

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)
HOÀNG HOÀ BÌNH – NGUYỄN HẠNH DUNG
NGUYỄN KHÁNH HÀ – ĐOÀN THIỆN THUẬT

Tiếng Việt Vui

SÁCH BÀI TẬP

QUYỂN

1

(SÁCH THỬ NGHIỆM)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch Hội đồng Thành viên MẠC VĂN THIÊN
Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS. VŨ VĂN HÙNG

Biên tập lần đầu :
NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - TRẦN THỊ PHÚ BÌNH

Biên tập tái bản :
TRỊNH ĐÌNH DỰNG

Biên tập mỹ thuật :
ĐẶNG MINH HIỀN

Trình bày và thiết kế sách :
NGUYỄN THANH LONG

Vẽ bìa và minh hoạ :
LÊ PHƯƠNG

TIẾNG VIỆT VUI - SÁCH BÀI TẬP - QUYỂN 1
(SÁCH THỬ NGHIỆM)

Mã số : 8I897H5

In cuốn (QĐ in số :), khổ 20.5 x 29.5 cm.

Đơn vị in : địa chỉ

Cơ sở in : địa chỉ

Số ĐKXB : 4084-2015/CXBIPH/12-1875/GD

Số QĐXB : .../QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 2015

In xong và nộp lưu chiểu

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ sách bài tập *Tiếng Việt Vui* là tài liệu kèm theo sách học sinh nhằm giúp người học có thêm cơ hội củng cố hiểu biết và rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt. Bộ sách gồm 6 cuốn, mỗi cuốn ứng với một cuốn sách học sinh.

Cuốn sách này gồm 12 bài, mỗi bài ứng với một bài học trong sách *Tiếng Việt Vui, quyển 1*, không kể các bài ôn tập. Bài tập trong sách gồm các loại như sau :

- Bài tập hệ thống hoá vốn từ.
- Bài tập hội thoại.
- Bài tập ngữ pháp.
- Bài tập chính tả.
- Bài tập làm văn.

Giáo viên và người học có thể lựa chọn những bài tập thích hợp để thực hiện ngay trên lớp, cùng với bài tập trong sách học sinh. Các bài tập còn lại, người học tự làm ở nhà.

Để thích hợp với hoạt động tự học, các bài tập trong sách đều là bài tập viết. Nhưng nếu có thời gian và có người cùng học, bạn nên dựa vào các bài tập viết đó để rèn luyện thêm kỹ năng hội thoại.

Kinh nghiệm cho thấy, để nắm vững một ngôn ngữ, người học càng có cơ hội rèn luyện nhiều càng tốt. Cuốn sách bài tập này là cơ hội rèn luyện của bạn.

Chúc bạn thành công !

Thay mặt các tác giả

Chủ biên

Giáo sư đại học Quốc gia Hà Nội,

nguyên Giáo sư thỉnh giảng

các trường đại học Paris 7 (Pháp), Laval (Canada)

NGUYỄN MINH THUYẾT

BÀI 1



Gia đình



1. Viết tiếp các từ cùng nhóm :

- a) ông, bà, ba,
- b) giáo viên, y tá,
- b) Anh, Brasil,

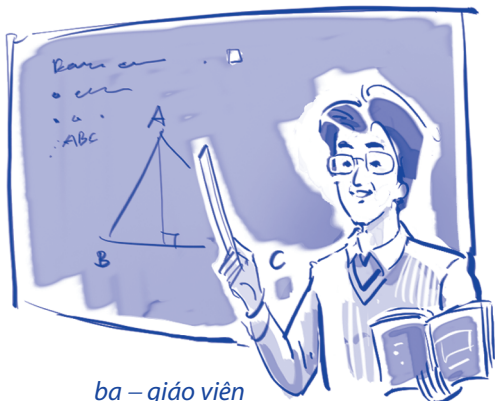
2. Nhìn tranh, hỏi – đáp theo mẫu :

M : a) A : – Đây là ai ?

B : – Đây là ông em. Ông em là giám đốc công ti.



ông – giám đốc công ty



ba – giáo viên



má – kế toán

b) A :
B :
.....

c) A :
B :
.....



cô – y tá

d) A :
B :
.....



chú – sinh viên

e) A :
B :
.....



3. Nhìn tranh, hỏi – đáp theo mẫu :

M : a) A : – Đây là ai ?

B : – Đây là Newton.

A : – Newton là ai ?

B : – Newton là người Anh.



Newton (Anh)



Bill Gates (Mỹ)



Balzac (Pháp)

b) A :

B :

A :

B :

c) A :

B :

A :

B :



Heine (Đức)



Ronaldo (Brasil)

d) A :

B :

A :

B :

e) A :

B :

A :

B :

4. Chuyển đổi câu theo mẫu

M : Cô Tâm là má em Hưng.
→ Em Hưng là con cô Tâm.

a) Em Hoa là cháu ông Đình.

.....

b) Anh Lân là anh trai Lan.

.....

c) Em Nhi là cháu chú Phong.

.....

d) Em Phương là cháu thím Ba.

.....

5. Đặt câu giới thiệu các nhân vật trong bài tập 4.

M : – Giới thiệu cô Tâm :
 Đây là cô Tâm, má em Hưng.
 – Giới thiệu em Hưng :
 Đây là em Hưng, con cô Tâm.

a) Giới thiệu em Hoa :

.....

b) Giới thiệu ông Đình :

.....

c) Giới thiệu anh Lân :

.....

d) Giới thiệu Lan :

.....

e) Giới thiệu em Nhi :

.....

g) Giới thiệu chú Phong :

.....

h) Giới thiệu em Phương :

.....

i) Giới thiệu thím Ba :

.....

6. Viết các đoạn hội thoại sau :

a) Em chào ông bà và ông bà chào em.

—

—

b) Em chào ba má và ba má chào em.

—

—

c) Em chào thím em và thím em chào em.

—

—

d) Em chào cô chú và cô chú chào em.

—

—

e) Em chào anh trai em và anh trai em chào em.

—

—

7. Viết các đoạn hội thoại sau :

a) Em chào chú Hùng, kế toán công ti ông em.

—

—

b) Em chào ông Tuấn, giám đốc công ti ba em.

—

—

c) Em chào cô Tâm, giáo viên trường má em.

—

—

d) Em chào anh Huy, sinh viên trường anh trai em.

—

—

8. Hoàn thành các hội thoại sau :

a) A : — (1) chào bác.

B : — (2)

Đây (3) ?

A : — (4) em gái cháu.

b) A : — (1) chào anh.

B : — (2) em. Em là con ai ?

A : — (3) là con ba Hoàng.

c) A : — Cháu chào cô.

B : — (1) Cháu là ai ?

A : — (2) cháu chú Phong, giáo viên trường cô.

d) A : — Chào (1)

B : — Cháu chào ông.

A : — Ông (2) em ông Tuấn, giám đốc công ti ba cháu.

9. Sắp xếp lại các từ ngữ đã cho, viết thành câu hoàn chỉnh :

a) đây / ai / là ?

.....

b) là / đây / em / ba má.

.....

c) đây / em gái / là / anh Lân.

.....

d) đây / anh Lân / là / Lân / anh trai.

.....

e) ba má / giáo viên / là / em.

.....

10. Hoàn chỉnh đoạn văn sau :

Đây (1) má Lan. Má (2) y tá.
(3) ba Lan. (4) giáo viên.
Đây là anh Lân, (5) Lan.
Anh Lân là sinh viên. Còn (6)
cô Hồng, kế toán (7) ba Lan.

Lan chào cô Hồng :

— (8)

Cô Hồng (9) Lan :

— Chào cháu.

BÀI 2

Làm quen

1. Nhìn tranh, trả lời câu hỏi :

a)



– Cậu bé đang làm gì ?

–

b)



– Cậu bé đang làm gì ?

–

c)



– Cô bé đang làm gì ?

–

d)



– Mẹ đang làm gì ?

–

e)



– Mẹ đang làm gì ?

–

g)



– Mẹ đang làm gì ?

–

2. Nối tên người ở cột A với tên nghề nghiệp ở cột B :

A
Newton
Balzac
Heine
Bill Gates
Ronaldo

B
nhà thơ
nhà khoa học
cầu thủ
nhà văn
nhà khoa học



3. Viết câu trả lời và hỏi đáp với bạn :

M : – Newton là ai ?

– Newton là nhà khoa học.

a) – Balzac là ai ?

–

b) – Heine là ai ?

–

c) – Bill Gates là ai ?

–

d) – Ronaldo là ai ?

–

4. Viết câu trả lời và hỏi đáp với bạn :

M : – Newton làm nghề gì ?

– Newton là nhà khoa học.

a) – Balzac làm nghề gì ?

–

b) – Heine làm nghề gì ?

–

c) – Bill Gates làm nghề gì ?

–

d) – Ronaldo làm nghề gì ?

–

5. Hỏi – đáp với bạn theo các câu hỏi sau :

a) – Nhà bạn có mấy người ?

–

b) – Ba bạn làm nghề gì ?

–

c) – Má bạn làm nghề gì ?

–

d) – Anh trai (em trai, chị gái, em gái) bạn bao nhiêu (mấy) tuổi ?

–

–

e) – Anh trai (em trai, chị gái, em gái) bạn làm nghề gì ?

–

–

g) – Bạn mấy tuổi ?

–

h) – Bạn học lớp mấy ?

–

6. Dựa vào các câu hỏi ở bài tập 5, viết về em và gia đình em.

M : Nhà em có 4 người. Ba em là giáo viên. Má em là y tá...

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. Dựa vào các câu bạn trả lời em ở bài tập 5, viết về bạn và gia đình bạn.

M : Nhà bạn Huyền Phương có 4 người. Bố bạn là giám đốc công ti. Mẹ bạn là giáo viên...

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

8. Viết tiếp các từ mới học cùng nhóm :

a) ông, bà, ba,

.....

b) giáo viên, y tá,

.....

.....

c) một, hai, ba,

.....

.....

.....

d) nói chuyện, chào, viết,

.....

9. Giải các bài toán sau theo mẫu.

M : Lớp em có 10 học sinh học tiếng Việt. Lớp bạn Bi có 8 học sinh học tiếng Việt. Hỏi hai lớp có bao nhiêu học sinh học tiếng Việt ?

→ $10 + 8 = 18$

Hai lớp có mười tám học sinh học tiếng Việt.

a) Ông bà em có 3 người con. Nhà bác em có 3 người con. Nhà em có 2 người con. Nhà cô em có 2 người con. Hỏi ông bà em có bao nhiêu cháu ?

→

.....

b) Ông bà em có 7 cháu. Bốn cháu là cháu gái. Hỏi ông bà em có mấy cháu trai ?

→

.....

c) Trường em có 10 lớp. Một lớp có 2 giáo viên. Hỏi trường có bao nhiêu giáo viên ?

→

.....

d) Lớp em có 20 học sinh. Một tổ có 4 học sinh. Hỏi lớp em có mấy tổ ?

→

.....

10. Hoàn thành các đoạn hội thoại sau :

a) A : – (1) chào bác.

B : – (2) Cháu tên
(3)?

A : – (4) Huyền Phương ạ.

b) A : – (1) chào anh.

B : – (2) em. (3) mấy
(4)?

A : – (5) 10 (6) ạ.

c) A : – Cháu chào cô.

B : – (1) Cháu là con ai ?

A : – (2) con ba cháu.

B : – (3) tên (4)?

A : – (5) Huỳnh.

d) A : – Chào cháu.

B : – (1) chú.

A : – Nhà cháu (2) người ?

B : – (3) ba người.

A : – Bố cháu (4)?

B : – (5) kế toán.

A : – Mẹ cháu (6)?

B : – (7) y tá.

11. Viết các đoạn hội thoại sau :

a) Em chào bạn, hỏi nhà bạn có mấy người.

b) Em chào bạn, hỏi bạn mấy tuổi, học lớp mấy.

c) Em chào bạn, hỏi bạn đang làm gì.

d) Em chào anh Huy, hỏi em gái anh Huy tên là gì, mấy tuổi, học lớp mấy.

e) Em chào cô Tâm, hỏi cô Tâm làm nghề gì, con trai cô mấy tuổi, học lớp mấy.



1. Sắp xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp :

sáng, mát, phút, giây, trưa, bao giờ, chiều, bây giờ, ngày, giờ, mùa xuân, khi nào, mùa hè, nóng, lạnh, mùa thu, mùa đông, nắng, gió, nửa đêm, tối, nhiệt độ, hôm nay, tháng, tuần, thế nào

TỪ NGỮ VỀ THỜI GIAN	a) Hỏi về thời gian	
	b) Chỉ thời gian	
TỪ NGỮ VỀ THỜI TIẾT	c) Hỏi về thời tiết	
	d) Chỉ thời tiết	



2. Nhìn tranh, hỏi – đáp theo mẫu :

a)



b)



c)



M:

- Bây giờ là mấy giờ ?
- Bây giờ là 6 giờ (sáng).

—
—
.....

—
—
.....

d)



e)



g)



—
—
.....

—
—
.....

—
—
.....

3. Nhìn tranh, hỏi – đáp theo mẫu :

a)



b)



c)



M :

– Hôm nay là thứ mấy ?

– Hôm nay là chủ nhật.

– Hôm nay là ngày mấy ?

– Hôm nay là ngày 28 (tháng 1/
tháng Giêng).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

d)



e)



g)



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Nhìn tranh ở bài tập 3, viết lời đối thoại và hỏi – đáp theo mẫu.

M :

- a) – Bây giờ là mùa gì ?
– Bây giờ là mùa đông.
– Mùa đông trời thế nào ? / Trời mùa đông thế nào ?
– Mùa đông trời lạnh. / Trời mùa đông lạnh.

b) –
–
–
–

c) –
–
–
–

d) –
–
–
–

e) –
–
–
–

g) –
–
–
–

5. Nhìn tranh ở bài tập 3, viết lời đối thoại và hỏi – đáp theo mẫu.

M :

- a) – Hôm nay là ngày mấy ?
– Hôm nay là ngày 28 tháng Giêng.
– Hôm nay trời thế nào ? / Trời hôm nay thế nào ?
– Hôm nay trời lạnh. / Trời hôm nay lạnh.

b) –
–
–
–

c) –
–
–
–

d) –
–
–
–

e) –
–
–
–

g) –
–
–
–

6. Hoàn thành các hội thoại sau :

a) A : – Anh ơi, hôm nay (1)
.....?

B : – (2) thứ tư.

A : – Hôm nay (3)?

B : – Ngày 31 tháng Giêng.

b) A : – Bây giờ (1)?

B : – (2) là 7 giờ 15.

A : – Anh dậy (3)?

B : – (4) lúc 7 giờ
kém 15.

c) A : – Bây giờ ở Việt Nam (1)
.....?

B : – (2) là
mùa đông.

A : – Mùa đông ở Việt Nam (3)
.....?

B : – (4) trời rét.

d) A : – Sáng nay (1)?

B : – (2) trời mát.

Trưa nay nóng.

A : – (3) thế nào ?

B : – Chiều nay 20 độ.

A : – Còn tối nay ?

B : – (4) độ. Trời rét.

7. Hoàn thành các hội thoại sau :

a) A : – (1) anh về Việt Nam ?

B : – Tháng 6.

A : – Tháng 6 (2)?

B : – (3) là mùa hè.

A : – Thời tiết mùa hè ở Việt Nam
(4)?

B : – Mùa hè nóng.

A : – Mùa hè, nhiệt độ cao nhất ở
Đà Nẵng (5)?

B : – 39 độ.

b) A : – Tháng (1) thời tiết ở
Hà Nội đẹp nhất ?

B : – Tháng 10, tháng 11, tháng 12.

A : – (2) cao nhất là
(3)?

B : – 28 độ.

A : – (4) thấp nhất là
(5)?

B : – 14 độ.

c) A : – (1) em đi Canada ?

B : – Tháng 1.

A : – Tháng 1 (2)?

B : – (3) mùa đông.

A : – (4) ở Canada
thế nào ?

B : – Mùa đông lạnh.

A : – Mùa đông, (5) thấp
nhất ở Québec là bao nhiêu ?

B : – Âm 40 độ.

d) A : – Hôm nay (1)
.....?

B : – Ngày 9 tháng 10.

A : – Tháng 10 là (2)
ở Australia ?

B : – (3) mùa hè.

A : – (4) ở Australia
(5)?

B : – Mùa hè trời nóng.

A : – Mùa hè, (6) cao nhất
ở Australia (7)?

B : – 32 độ.

8. Đánh dấu ✓ vào chỗ bắt buộc phải thêm từ **của** :

- a) Tháng 11, cô ☐ bạn Lan về Việt Nam.
- b) Tháng 11, cô ☐ Lan về Việt Nam.
- c) Mẹ ơi, đây là Lan, bạn ☐ con.
- d) Mẹ ơi, đây là Lan, bạn mới ☐ con.
- e) Lân rất thích thời tiết ấm áp ☐ mùa xuân.
- g) Lân rất thích thời tiết ☐ mùa xuân.

9. Trả lời câu hỏi :

M : – Một năm có bao nhiêu tháng ?

– Một năm có mười hai tháng.

a) – Một tháng thường có bao nhiêu ngày ?

–

b) – Một ngày có bao nhiêu giờ ?

–

c) – Một giờ có bao nhiêu phút ?

–

d) – Một phút có bao nhiêu giây ?

–

12. Hoàn chỉnh bức thư sau :

Nhà Trang, (1) 21 tháng 11 (2).....

Má ơi,

Con đang (3)..... Nhà Trang. (4) là tháng 11.
(5)..... này ở bên Pháp (6)..... rất lạnh. Nhưng ở đây
(7)..... đang nóng. Nắng rất đẹp. (8)..... trong xanh.
Con rất thích thời tiết ở đây.

Con chào má.

Con của má

Lan

Lan

10. Trả lời câu hỏi :

a) – Một năm thường có bao nhiêu ngày ?

–

b) – Một tháng có bao nhiêu tuần ?

–

c) – Một tuần có bao nhiêu giờ ?

–

d) – Một giờ có bao nhiêu giây ?

–

11. Đánh dấu thanh cho đúng :

TRỜI ĐẸP, TRỜI XẤU

– Khi trời đẹp, cậu thấy cái gì ở trên đầu ?

– Tớ thấy bầu trời và ánh nắng.

– Con khi trời xấu ?

– Tớ thấy một cái ô.



1. Viết tiếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp :

Tiếng Việt, hát, Lịch sử, vẽ, thầy giáo, đọc, bút, cô giáo, cặp, đá bóng, sinh viên, học

- a) giáo viên, học sinh,
- b) giảng bài, viết,
- c) nhảy dây, múa,
- d) Toán,
- e) sách,

2. Câu hỏi nào là câu hỏi cho từ ngữ in đậm ?

Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu hỏi đúng :

a) Linh học ở **Trường Chu Văn An**.

- ☐ Linh học ở đâu ?
- ☐ Linh học ở trường nào ?
- ☐ Linh làm gì ?

b) Linh học ở Trường **Chu Văn An**.

- ☐ Linh học ở đâu ?
- ☐ Linh học ở trường nào ?
- ☐ Linh làm gì ?

c) Linh **học ở Trường Chu Văn An**.

- ☐ Linh học ở đâu ?
- ☐ Linh học ở trường nào ?
- ☐ Linh làm gì ?

d) Linh **học** ở Trường Chu Văn An.

- ☐ Linh học ở đâu ?
- ☐ Linh làm gì ?
- ☐ Linh làm gì ở Trường Chu Văn An ?

e) **Linh** học ở Trường Chu Văn An.

- ☐ Linh học ở đâu ?
- ☐ Linh làm gì ở Trường Chu Văn An ?
- ☐ Ai học ở Trường Chu Văn An ?

3. Câu hỏi nào là câu hỏi cho từ ngữ in đậm ?

Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu hỏi đúng :

a) Trường Chu Văn An ở **phố Thụy Khuê**.

- ☐ Trường Chu Văn An ở đâu ?
- ☐ Trường Chu Văn An ở phố nào ?
- ☐ Trường nào ở phố Thụy Khuê ?

b) Trường Chu Văn An ở phố **Thụy Khuê**.

- ☐ Trường Chu Văn An ở đâu ?
- ☐ Trường Chu Văn An ở phố nào ?
- ☐ Trường nào ở phố Thụy Khuê ?

c) Trường **Chu Văn An** ở phố Thụy Khuê.

- ☐ Trường Chu Văn An ở đâu ?
- ☐ Trường Chu Văn An ở phố nào ?
- ☐ Trường nào ở phố Thụy Khuê ?



4. Câu trả lời nào phù hợp với câu hỏi ? Đánh dấu ✓ vào ô đúng :

	Sơn học lớp nào ?	Sơn học lớp mấy ?
a) Sơn học lớp 3.	(1)	(2)
b) Sơn học lớp 3A.	(3)	(4)

5. Hoàn thành các đoạn hội thoại sau :

- a) – Anh học lớp (1) ?
 – Anh học lớp 9. Còn em (2) ?
 – Em học lớp 3.
 – Em học ở trường (3) ?
 – Em học ở Trường Trần Quốc Toản.
 – Trường em (4) ?
 – Trường em ở phố Quang Trung.

- b) – Trường em có (1) lớp ?
 – (2) có 20 lớp.
 – Em học (3) ?
 – Em học lớp 5C.
 – Lớp em có (4) ?
 – (5) có 45 học sinh.

- c) – Em (1) ?
 – Em học lớp 5.
 – Các em học (2) ?
 – Lớp em học 9 môn.
 – Sáng nay em học (3) ?
 – Em (4) Tiếng Việt, Toán, Lịch sử và học vẽ.

6. Điền từ **các** hoặc **của** vào chỗ trống :

MỚI VÀ CŨ

Bố hỏi Tôm :

– Năm nay, lớp con có gì mới ?

Tôm đáp :

– Cô giáo là cô giáo cũ (1) con. Lớp học và sách (2)
môn học cũng là lớp cũ, sách cũ. Nhưng con có (3) bạn mới.

– (4) bạn cũ (5) con học lớp nào ?

– (6) bạn ấy học lớp khác, bố ạ.

7. Nhìn tranh, điền các từ **này, ấy** vào chỗ trống thích hợp :

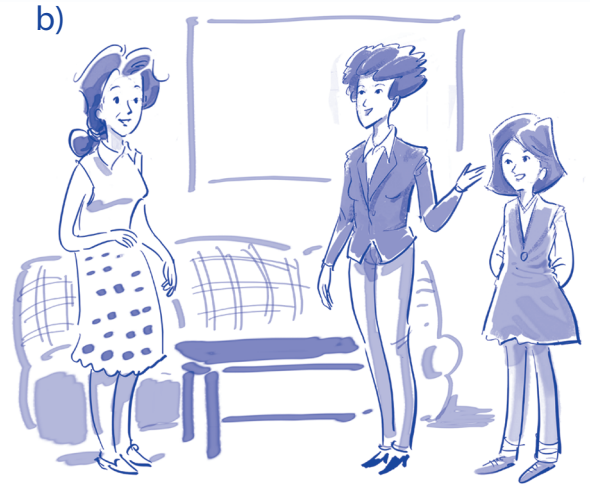
a)



– Các bạn (1) là học sinh lớp nào ?

– Các bạn (2) là học sinh lớp 5B.

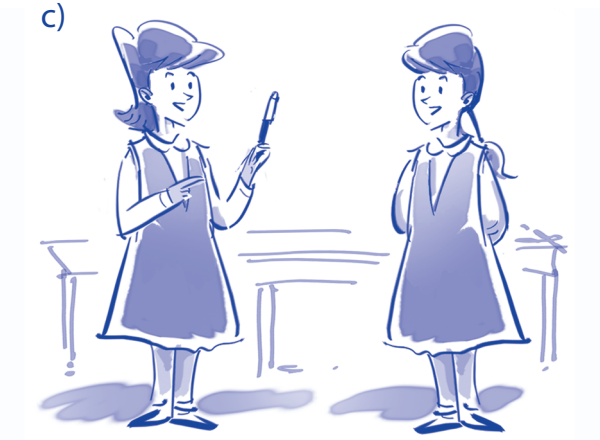
b)



– Cháu (1) tên là Lan. Cháu ở Pháp.

– Chào cháu. Bên (2) bây giờ
là mùa gì, cháu ?

c)



– Bút (1) của bạn nào ?

– Bút (2) của bạn Sơn.

d)



– Đây là lớp 4B.

– Lớp (1) rất sạch.

8. Điền các từ *này, ấy* vào chỗ trống thích hợp :

- a) – Cháu học ở trường nào ?
– Cháu học ở Trường Sao Mai.
– Trường (1) ở đâu ?
– Trường cháu ở đường Nguyễn Du.
– Cô không biết đường (2) ở đâu.
- b) – Cháu ơi, đường Lý Thường Kiệt ở đâu ?
– Đường Lý Thường Kiệt ở đây ạ.
– Cảm ơn cháu. Cô không biết đường Lý Thường Kiệt là đường
- c) – Cháu đang học môn gì ?
– Cháu học Tiếng Việt.
– Môn (1) thế nào ?
– Cháu rất thích học môn (2)
- d) – Em ơi, xe buýt (1) đi đâu ?
– Đây là xe đi Thủ Đức.
– Chị muốn đi Hóc Môn.
– Xe (2) ở đường khác, chị ạ.

9. Sắp xếp lại các từ đã cho, viết thành câu hoàn chỉnh :

a) em / trường / các / nào / ở / học.

.....

b) đâu/ Phan Chu Trinh / ở / trường.

.....

c) phố / Nguyễn Thái Học / ở / em / trường.

.....

d) học / lớp / mấy / em / các.

.....

e) gì / đang / các / làm / bạn / ấy.

.....

10. Hoàn chỉnh đoạn văn sau :

Đây (1)..... bạn Lê. Bạn ấy (2)..... lớp 3, Trường Hoàng Diệu. Trường Hoàng Diệu (3)..... phố Đội Cấn. Lớp 3D (4)..... Lê có 40 học sinh. Các bạn (5)..... đang học môn Tiếng Việt. Bạn Lê đang đọc bài, (6)..... bạn khác đang viết.



Cộng đồng



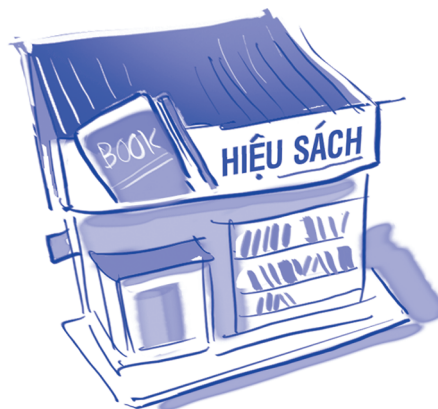
1. Viết tên các nơi giao dịch, sinh hoạt cộng đồng dưới mỗi tranh :

a)



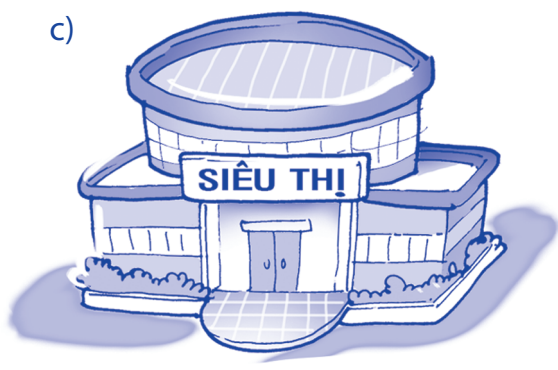
M : Quán kem

b)



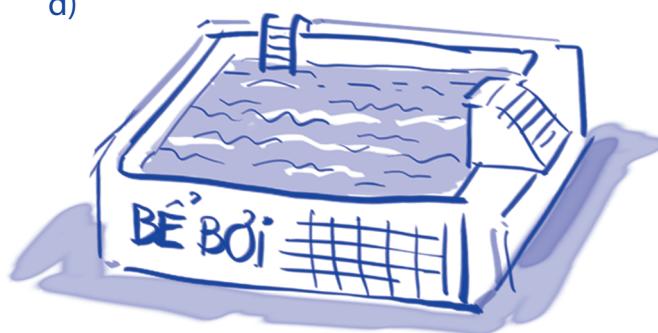
.....

c)



.....

d)



.....

e)



.....

g)



.....



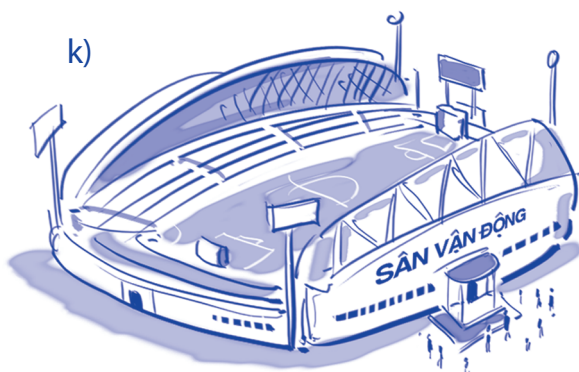
h)



i)



k)



l)



2. Nhìn tranh ở bài tập 1, trả lời câu hỏi theo mẫu.

a)



b)



M:

A : – Đây có phải là quán ăn không ?

B : – Không, đây không phải là quán ăn.
Đây là quán kem.

A : – Đây có phải là hiệu sách không ?

B : – Vâng. Đây là hiệu sách.

c) A : – Đây có phải là trường học không ?

B : –

d) A : – Đây có phải là sân vận động không ?

B : –

e) A : – Đây có phải là rạp xiếc không ?

B : –

g) A : – Đây có phải quán ăn không ?

B : –

h) A : – Đây có phải là khách sạn không ?

B : –

i) A : – Đây có phải rạp chiếu phim không ?

B : –

k) A : – Đây có phải là sân vận động không ?

B : –

l) A : – Đây có phải khách sạn không ?

B : –

3. Ghép các cụm từ ở cột A với danh từ tương ứng ở cột B :

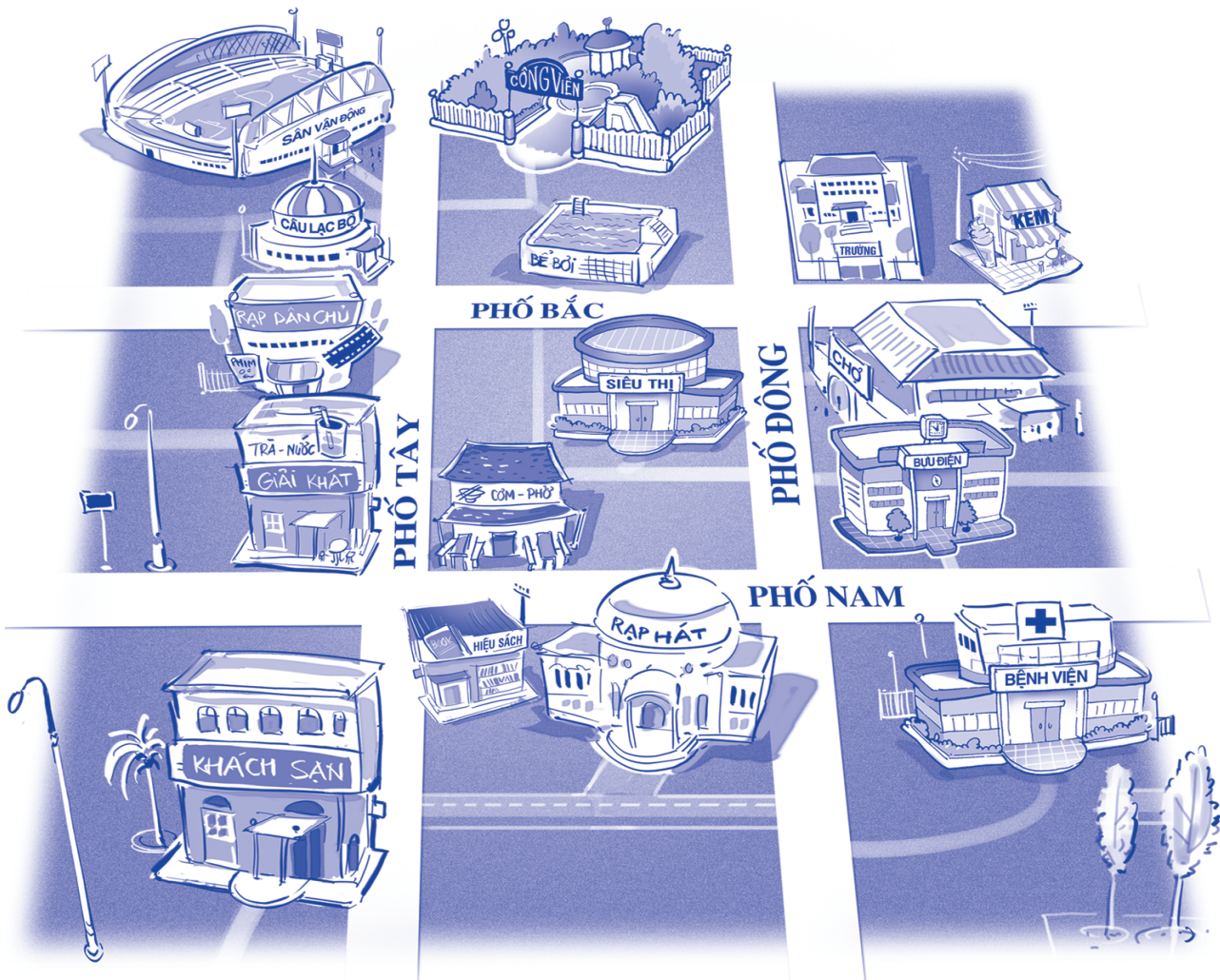
A
a) Nơi mọi người đến mua sách
b) Nơi mọi người đến xem phim
c) Nơi mọi người đến mua hàng hoá
d) Nơi mọi người đến bơi
e) Nơi mọi người đến gửi và nhận thư, bưu kiện
g) Nơi biểu diễn ca nhạc, kịch
h) Nơi biểu diễn xiếc
i) Nơi thi đấu thể thao
k) Nơi học sinh đến học

B
1) nhà hát
2) bể bơi
3) rạp xiếc
4) trường học
5) siêu thị
6) rạp chiếu phim
7) sân vận động
8) hiệu sách
9) bưu điện

4. Nhìn bản đồ và hoàn thành các hội thoại sau.

M : A : – Có phải sân vận động ở phố Bắc không ?

B : – Không phải. Sân vận động ở phố Tây.



a) A : – Siêu thị ở đâu ?

B : – Siêu thị ở (1)

A : – Có gần khách sạn không ?

B : – Không. Khách sạn ở (2)

b) A : – Có phải bể bơi ở cạnh sân vận động không ?

B : – Không phải. Cạnh sân vận động là (1) Bể bơi ở (2)

c) A : – Phố nào có siêu thị ?

B : –

d) A : – Muốn đi ăn và xem phim thì đến phố nào ?

B : – Đến

e) A : – Có phải (1) ở cạnh nhà hát không ?

B : – Đúng rồi. (2) này có rất nhiều sách hay.

- g) A : – Có phải có bể bơi ở phố Đông không ?
 B : – (1)..... Bể bơi ở (2).....
- h) A : – Có phải có quán kem ở cạnh trường học không ?
 B : – (1)..... (2) ở đây rất ngon.
- i) A : – Bệnh viện ở đâu ?
 B : – Bệnh viện ở
- k) A : – Có phải bưu điện ở cạnh chợ không ?
 B : – (1)..... Bưu điện ở cạnh (2)

5. Đặt 5 câu hỏi tương tự về khu phố trong bản đồ.

- a) Có phải không ?
- b) Có phải không ?
- c) Có phải không ?
- d) Có phải không ?
- e) Có phải không ?

6. Dựa vào các từ cho sẵn, hoàn thành câu.

- a) nơi ở / cửa / mới / gia đình Mai / siêu thị lớn / có một.

.....

- b) nhà / Hoa / cạnh / ở / rạp chiếu phim.

.....

- c) ở cạnh / bể bơi / một quán kem.

.....

- d) đến bể bơi / Chi / ăn kem / có thể / và / bơi.

.....

- e) có / chợ / phố Nam / và / bưu điện.

.....

- g) nơi ở / Thanh / cửa / sân vận động / không có.

.....

- h) Loan / đi xem / vào thứ bảy / xiếc / thường.

.....

7. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước những việc có thể thực hiện tại nơi em ở.

- | | |
|--|---|
| ☐ Đi bơi | ☐ Đi xem xiếc |
| ☐ Đi đến sân vận động | ☐ Đi ăn kem ở hiệu |
| ☐ Đi xem phim | ☐ Đi đọc sách ở hiệu sách |
| ☐ Đi siêu thị | ☐ Đi xem ca nhạc ở rạp hát |

8. Dựa vào kết quả ở bài tập 7, viết thành câu hoàn chỉnh về những việc có thể thực hiện được tại nơi em ở.

M (a) : Mọi người có thể đi bơi ở khu phố của em.

.....

.....

.....

.....

.....

9. Trả lời các câu hỏi về nơi em ở.

a) Nhà em ở đâu ?

.....

.....

b) Nơi em ở có những địa điểm vui chơi, giải trí nào ?

.....

.....

.....

c) Nhà em có gần chợ / siêu thị không ?

.....

d) Em thích gì nhất ở nơi em ở ?

.....

.....

e) Ngày nghỉ cuối tuần em thường hay đi đâu ?

.....

.....

10. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào ô chữ để tạo thành từ in đậm ở cột dọc.

Từ cho sẵn :

– siêu thị

– quán kem

– rạp hát

– hiệu sách

– bể bơi

– sân vận động

– Hồ Gươm

– phố phường

a)

b)

c)

d)

e)

g)

h)

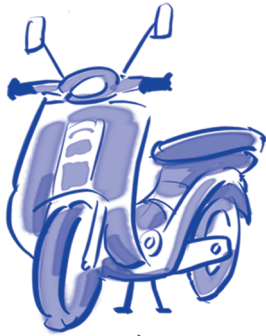
i)

					Q							
					U							
					Ê							
					H							
					Ư							
					Ơ							
S	Â	N	V	Â	N	Đ	Ô	N	G			
					G							

BÀI 6

Giao thông

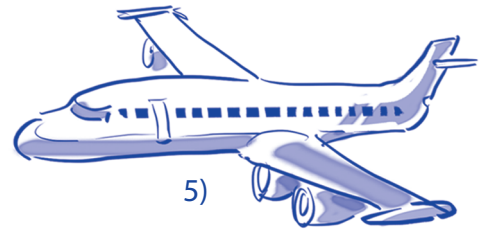
1. Ghép tên các phương tiện đi lại với tranh tương ứng.



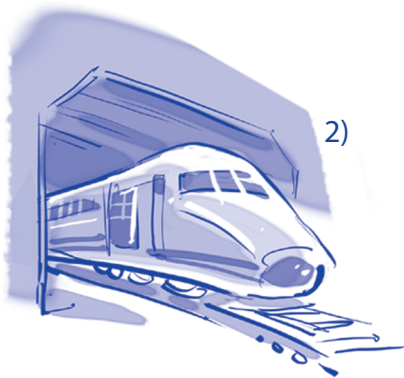
1)

a) xe buýt

b) xe xích lô



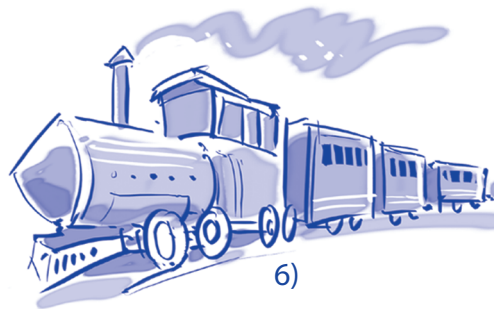
5)



2)

c) xe đạp

d) xe máy



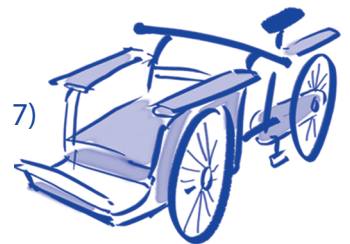
6)

e) ô tô



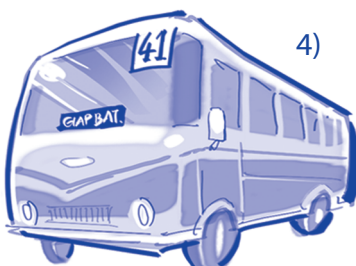
3)

g) xe điện ngầm



7)

h) tàu hoả



4)

i) máy bay

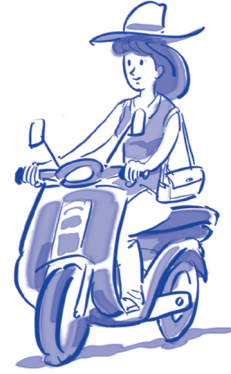


8)



2. Nhìn tranh, hoàn thành các hội thoại sau :

M : a) A : – Chị ấy đi xe gì đến đây ?
B : – Chị ấy đi xe máy.



b) A : – Anh ấy đi xe gì đến đây ?
B : –



c) A : – Bà ấy đi chợ bằng xe gì ?
B : –



d) A : – Chị ấy đến đây bằng gì ?
B : –



e) A : – Các bạn học sinh đi học bằng gì ?
B : –



g) A : – Họ đến đây bằng gì ?

B : –



h) A : – Bác ấy đến đây bằng gì ?

B : –



i) A : – Cô ấy đi làm bằng gì ?

B : –



3. Đặt câu hỏi, dựa vào từ cho sẵn.

M : xe buýt / ở đây ? → Ở đây có xe buýt không ?

xích lô / cấm / đường này ? → Đường này có cấm xích lô không ?

a) ô tô / cấm / phố này ?

.....

b) xe buýt / đường này ?

.....

c) tắc xi / ở đây ?

.....

d) xe điện / thành phố này ?

.....

e) xe ôm / Hà Nội ?

.....

g) máy bay / đến Sa Pa ?

.....

h) xe buýt / đến phố bạn ở ?

.....

i) tàu hoả / đến Đà Lạt ?

.....

4. Điền từ *cái* vào chỗ trống thích hợp.

- a) Ở Hà Nội có rất nhiều (1) xe máy và (2) xe đạp.
- b) Có một tắc xi đỗ ở kia.
- c) Hồng thường đi làm bằng (1) xe máy. Hôm nay chị ấy đi (2) xe buýt.
- d) xe đạp này tốt quá.
- e) Bác Kiên có hai xe máy.
- g) xe máy màu xanh này là của cô Thư.
- h) Có một xe buýt đang đến.
- i) Cô Liên có một (1) xe máy, nhưng cô muốn có một (2) xe đạp để đi chơi.

5. Dùng các từ cho sẵn, hoàn thành câu.

- a) Thoa / đi / xe đạp / đến trường / thường.
.....
- b) Bố bạn Hương / mới mua / cái / một / ô tô.
.....
- c) Mẹ Sơn / đèo Sơn / thường / bằng xe máy / đến trường.
.....
- d) Chị Hương / đi bộ / đến công ti / thích.
.....
- e) Phố này / đi xe / trên vỉa hè / cấm.
.....

6. Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp :

Loại xe	Có ở nơi em ở	Em thường đi	Em thích đi	Em muốn có
a) xe đạp				
b) xe máy				
c) xe ngựa				
d) xe buýt				
e) xe tắc xi				
g) xe ô tô				
h) xe điện				
i) xe điện ngầm				
k) máy bay				
l) tàu thủy				

7. Dùng các thông tin ở bài tập 6 để hoàn thành câu.

- a) Nơi em ở có.....
.....
.....
- b) Em thường đi lại bằng
.....
- c) Em thích đi.....
.....
- d) Em muốn có.....
.....
.....

8. Viết một đoạn văn về nơi em ở. Gợi ý :

- a) Nhà em ở đâu ?
- b) Mọi người thường đi lại bằng những phương tiện gì ?
- c) Trường học của em có gần nơi em ở không ?
- d) Em đi học bằng phương tiện gì ?
- e) Bố em thường đi lại bằng phương tiện gì ?
- g) Mẹ em thường đi lại bằng phương tiện gì ?
- h) Em thích đi xe gì ?
- i) Em thích nơi em ở có những phương tiện giao thông nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

9. Đọc và đặt câu hỏi cho những cụm từ gạch chân :

Tôi tên là Julia. Tôi 28 tuổi (1).

Tôi đến Việt Nam mùa hè năm 2006 (2).

Ở Việt Nam, tôi (3) học tiếng Việt và đi du lịch.

Trường học của tôi (4) ở đường Đinh Tiên Hoàng, quận Nhất.

Tôi đi học (5) bằng xe ôm.

Lớp học tiếng Việt của tôi có (6) 8 học sinh.

Tôi học tiếng Việt (7) vào các buổi sáng thứ hai, thứ tư và thứ sáu.

(8) Thứ bảy tôi thường đi bơi, đi xem phim.

Chủ nhật, tôi thường đi dạo phố (9) bằng xích lô hoặc xe ôm.

10. Điền những từ cho dưới đây vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn sau :

ở, có, đến, đi, đi bộ, cấm, xe, cái

Nhà Tuấn (1) phố Bắc. Phố Bắc (2) cửa hàng trò chơi điện tử, quán ăn, chợ, siêu thị, rạp xiếc. Sáng thứ bảy, Tuấn thường (3) cửa hàng trò chơi điện tử. Tối chủ nhật, Tuấn đi xem xiếc. Mẹ và chị Nga thường (4) chợ, (5) siêu thị vào thứ ba, thứ sáu và chủ nhật.

Phố Tây gần nhà Tuấn. Phố Tây (6) bể bơi, quán kem. Sáng chủ nhật, cả nhà Tuấn (7) đến bể bơi ở phố Tây, bơi và ăn kem.

Phố Nam (8) rạp hát, rạp chiếu phim, hiệu sách, sân vận động. Phố ấy xa. Phố ấy (9) xích lô. Muốn (10) rạp hát, rạp chiếu phim, gia đình Tuấn thường (11) tắc xi hay xe buýt. Trường học của Tuấn cũng (12) phố Nam. Gia đình Tuấn (13) 2 cái xe đạp : xe màu xanh và (14) màu đỏ. Tuấn đến trường bằng (15) xe đạp màu đỏ.

BÀI 7



Mua sắm



1. Đây là gì ? Hãy viết tên các vật trong tranh.

a)



.....

b)



.....

c)



.....

d)



.....

e)



.....

g)



.....

h)



.....

i)



.....

k)



.....

l)



.....



2. Nhìn tranh, trả lời câu hỏi :

M :

a) A : – Anh muốn mua gì ?

B : – Tôi muốn mua **một cái mũ / cái mũ này.**



b) A : – Chị muốn mua gì ?

B : – Tôi muốn mua



c) A : – Bác muốn mua gì ?

B : – Tôi muốn mua



d) A : – Cháu muốn mua gì ?

B : –



e) A : – Em muốn mua gì ?

B : –



g) A : – Cô muốn mua gì ?

B : –



3. Hoàn thành các hội thoại sau :

- a) A : – Cháu muốn mua gì ?
B : – 2 cái bưu thiếp.
- b) A : – Cô ơi, bao nhiêu tiền cái túi này ?
B : – 12 000 đ.
A : – một cái.
- c) A : – Cô ơi (1) một cái nón ?
B : – 18 000 đ.
A : – Cho tôi mua (2)
- d) A : – Chào cháu. Cháu (1) ?
B : – Cháu (2) một quyển từ điển.
- e) A : – Cô ơi, (1) một quyển vở ạ ?
B : – 3000 đ.
A : – (2) 3 quyển.
- g) A : – Bác ơi, cái áo này (1) ạ ?
B : – 35 000 đ.
A : – Cho cháu mua (2)

4. Điền từ thích hợp vào mỗi chỗ trống để hoàn thành bài hội thoại sau :

- A : – Chào (1) Cháu (2) mua gì ?
B : – (3) muốn (4) một quyển từ điển.
A : – (5) muốn (6) quyển nào ?
B : – (7) này ạ.
A : – 25 000 đ.
B : – Còn quyển này (8) tiền ạ ?

A : – 15 000 đ.

B : – (9) cháu mua (10) này.

5. Sắp xếp lại các từ đã cho để viết thành câu hoàn chỉnh.

- a) bác tôi / hoa / vườn / trong / đẹp / rất
.....
.....
- b) Mai / Hà Nội / thích / rất
.....
- c) mẹ Hoa / rất / mua / nhiều / quà
.....
- d) bạn tôi / chuyển đi / thú vị / rất / của
.....
.....
- e) mọi người / rất / thân tình / ở đây / và / chu đáo
.....
.....
- g) chuối/ ngon / rất / ở / quê tôi
.....
.....

6. Hoàn thành các câu nói về nơi em ở :

- a) rất đẹp.
b) rất thú vị.
c) ngon.
d) rất chu đáo.
e) rất thân tình.
g) Em rất thích

7. Điền chữ cái đánh dấu mỗi hình vào một ô trống thích hợp.

a)



c

1. Thịt lợn

h

2. Thịt gà

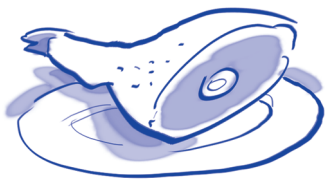
b)



a

4. Rau

c)



5. Cà chua

6. Chanh

d)



7. Chuối

8. Bánh chưng

e)



i

10. Bánh ga tô

g)



h)



i)



k)



l)



8. Đọc lại những thứ Trâm và Liên được giao đi mua cho buổi liên hoan của lớp (ở bài tập 7). Trâm đã mua một số thứ (đánh dấu ✓). Em hãy đóng vai Liên, hỏi bạn đã mua được những gì. Viết lại đoạn hội thoại đó.

M :

Liên : – Bạn đã mua rau chưa ?

Trâm: – Mình đã mua rau rồi.

Liên : – Thế còn chanh ? Bạn đã mua chưa ?

Trâm: – Chưa. Mình chưa mua chanh.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

9. Dưới đây là những ghi chép trong sổ tay của Chi. Em hãy viết lại những gì bạn Chi đã làm và chưa làm được trong ngày nghỉ cuối tuần (dùng các từ **đã... rồi ; chưa...**).

a) Chi.....

b) Chi

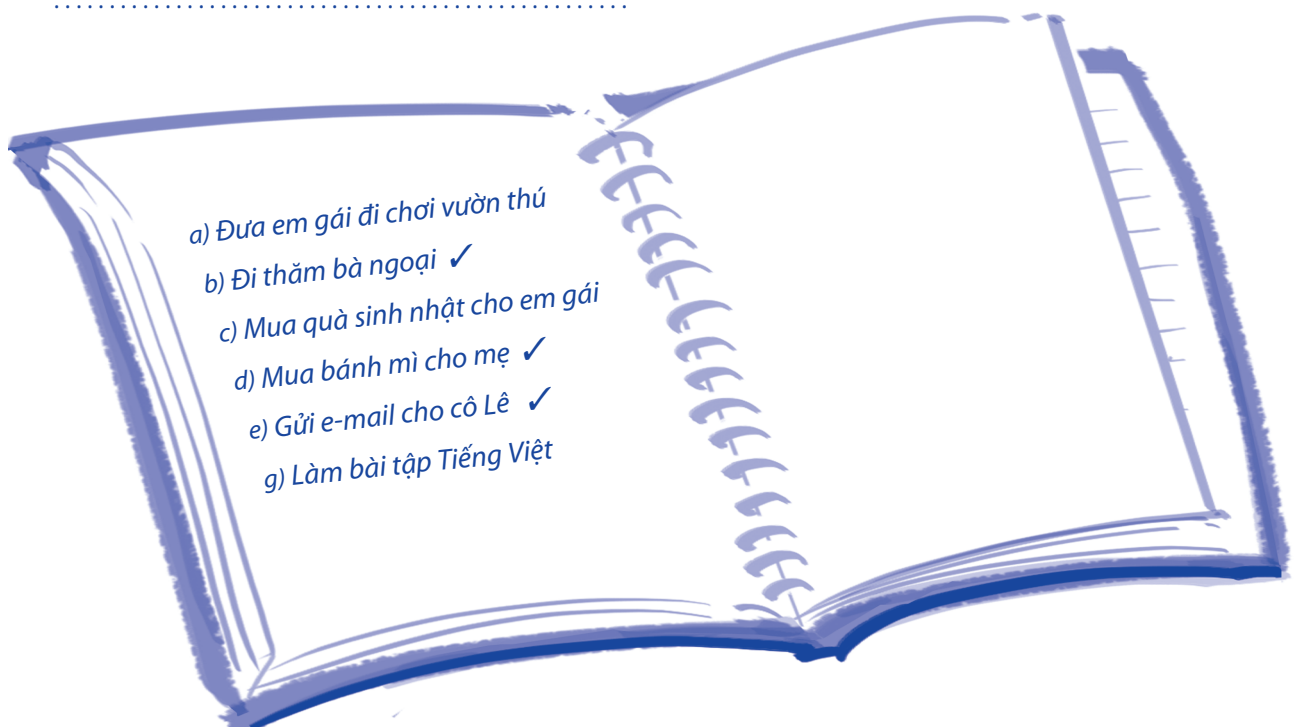
c) Chi

d) Chi

e) Chi

g) Chi

.....



10.Viết một thư thiệp cho bạn, kể về chuyến đi chơi của em dựa vào gợi ý cho dưới đây :

10. Viết một bưu thiếp cho bạn, kể về chuyến đi chơi của em dựa vào gợi ý cho dưới đây :

(Tên bạn em) thân mến !
Mình / tớ đang có một thời gian thật thú vị ở (tên địa điểm).
(Tên địa điểm) rất đẹp.
Thời tiết ở đây
Mình đã đi thăm
Mình đã ăn
Mình rất thích ăn
Mình đã mua
Mình cũng đã đi xem
Mình mong có cậu ở đây để cùng đi chơi với mình.
Cậu sẽ rất thích.
Mình sẽ có quà cho cậu đấy. Chờ nhé.

Thân ái
Kí tên

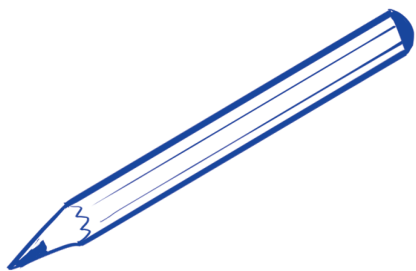
[illegible]

BÀI 8



Trang phục - Ăn uống

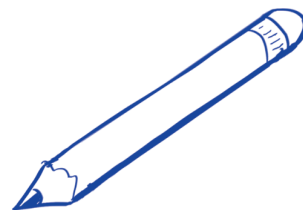
1. Tô màu cho mỗi chiếc bút chì dưới đây theo hướng dẫn :
xanh, đỏ, tím, vàng, đen, nâu.



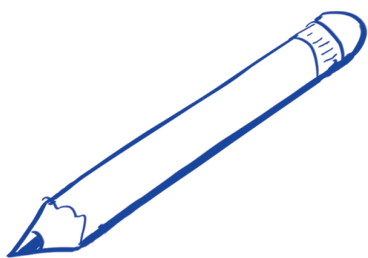
a) Đây là bút chì màu xanh.



b) Đây là bút chì màu đỏ.



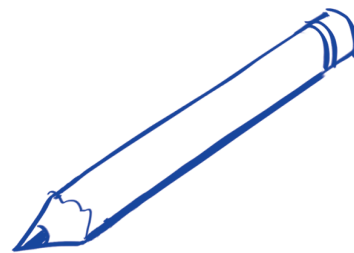
c) Đây là bút chì màu tím.



d) Đây là bút chì màu vàng.



e) Đây là bút chì màu đen.



g) Đây là bút chì màu nâu.

2. Tô màu em thích vào các đồ vật dưới đây. Sau đó, điền những thông tin còn thiếu vào nhãn hàng hoá :

a)



M :

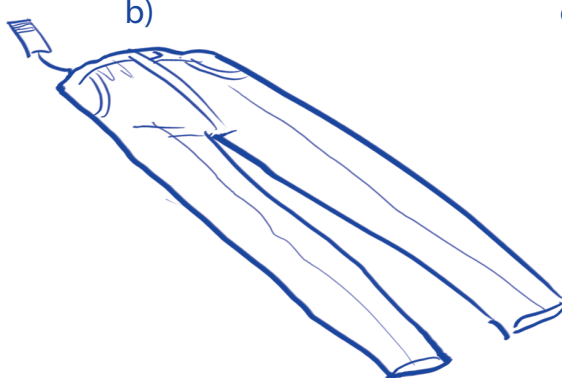
Tên : sơ mi dài tay

Màu : xanh da trời

Cỡ : 12

Giá tiền : 48 000 đ

b)



Tên :

Màu :

Cỡ : 10

Giá tiền : 35 000 đ

c)



Tên :

Màu :

Cỡ : 10

Giá tiền : 42 000 đ



Tên :
 Màu :
 Cỡ : 8
 Giá tiền : 25 000 đ



Tên :
 Màu :
 Cỡ : 10
 Giá tiền : 18 000 đ



Tên :
 Màu :
 Cỡ : 12
 Giá tiền : 57 000 đ

3. Nhìn các mặt hàng trên, so sánh kích cỡ và giá tiền ; sử dụng các tính từ **đắt, rẻ, to, bé**.

- a) Chiếc áo sơ mi dài tay chiếc áo phông.
- b) Chiếc áo phông chiếc sơ mi dài tay.
- c) Chiếc áo phông chiếc quần soóc.
- d) Chiếc quần soóc chiếc quần dài.
- e) Chiếc quần dài chiếc váy dài.
- g) Chiếc váy ngắn chiếc váy dài.

4. Hoàn thành các hội thoại theo mẫu sau :

M : Người bán hàng : – Cháu muốn mua gì ?

Người mua : – Cháu muốn mua một chiếc áo sơ mi.

a) Người bán hàng : – Cháu mua áo phông hay áo sơ mi ?

Người mua : –

b) Người bán hàng : – Cháu muốn mua cái túi nào ? Túi màu đỏ hay túi hoa ?

Người mua : –

c) Người bán hàng : – Cháu muốn mua chiếc quần nào ? Cái màu xanh hay cái màu nâu ?

Người mua : –

d) Người bán hàng : – Cháu thích váy ngắn hay váy dài ?

Người mua : –

e) Người bán hàng : – Cháu mặc cỡ số mấy ?

Người mua : –

g) Người bán hàng : – Cháu thích giày màu gì ?

Người mua : –

5. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong bài hội thoại sau :

A : – Cháu muốn mua (1) ?

B : – Cháu muốn (2)..... một (3)..... giày thể thao.

A : – Cháu (4)..... cỡ số mấy ?

B : – Số 40.

A : – Cháu (5) màu gì ?

B : – Màu trắng.

A : – Đây, màu trắng, số 40.

6. Viết một đoạn văn về sở thích ăn mặc của em.

Gợi ý :

a) Em hay mặc áo phông hay sơ mi ?

b) Em thường mặc áo số mấy ?

c) Em thích quần áo màu gì ?

d) Em hay mua quần áo ở đâu ?

e) Em có thích đi giày thể thao không ?

g) Em đi giày số mấy ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. Viết tên các món ăn bắt đầu bằng những chữ cho sẵn.

Các món ăn sáng

– ph.....

– ch.....

– x.....

– b.....

– bánh.....

– s.....

Các món trong bữa cơm chính

– r.....

– c.....

– th.....

– t.....

– c.....

– nước.....

8. Sử dụng các từ cho sẵn, hoàn thành các câu sau :

a) Hà / ăn/ thích / bữa sáng / vào / xôi.

.....

b) mẹ / Lan/ của / mua/ bánh mì / hay/ siêu thị / ở.

.....

c) gia đình / Mai / thường / với / ăn sáng / ở nhà.

.....

d) Lan / ăn / không/ cá / thích.

.....

e) nhiều người / vào / bún / bữa trưa / ăn / hay / Việt Nam / ở.

.....

g) John / thích / phở / rất / ăn / Việt Nam.

.....

h) bà em / cơm / thích / canh / với / ăn.

.....

9. Viết một đoạn văn kể về sinh hoạt ăn uống của em, dựa vào các gợi ý sau :

a) Em hay ăn gì vào bữa sáng ? Ở đâu ?

b) Em thường ăn sáng cùng ai trong gia đình ?

c) Em ăn trưa ở đâu ? Ở nhà hay ở trường ?

d) Em thường ăn gì vào bữa trưa ?

e) Khi nào cả gia đình em cùng ăn cơm ?

g) Bữa cơm hằng ngày trong gia đình em thường có những món gì ?

h) Kể những món ăn em thích và không thích.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

10. Đọc bức thư của Chích Bông gửi cho ba mẹ. Khớp các câu kể với hình ảnh.

Xứ sở Thần Tiên, ngày 36 tháng 8

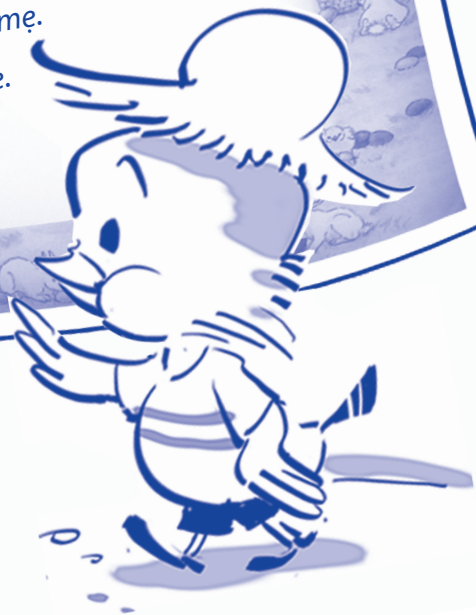
Ba mẹ yêu quý.

Con Chích Bông của ba mẹ đây. Con đang có những ngày hè rất vui ở đây. Con đã được đi thăm nhiều nơi và đã gặp nhiều bạn mới. Con đã thấy bác Voi và thím Hươu Cao Cổ. Con đã được ăn nhiều món ăn rất khác ở nhà. Con đã ăn sáng cùng bạn Ong Mật, ăn trưa cùng bạn Sóc và ăn tối với bác Gõ Kiến. Con đã hát múa cùng gia đình bạn Công. Mọi người ở đây rất tốt với con. Các bạn đã tặng con một cái áo hoa rất đẹp. Con rất thích chiếc áo đó. Con đã gửi ảnh về nhà rồi. Ba mẹ đã nhận được chưa?

Con rất yêu ba mẹ.

Con của ba mẹ.

Chích Bông

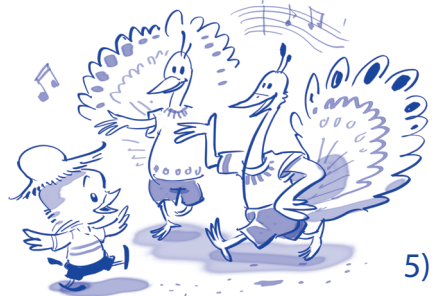




1)

a) Thấy bác Voi và thím Hươu Cao Cổ.

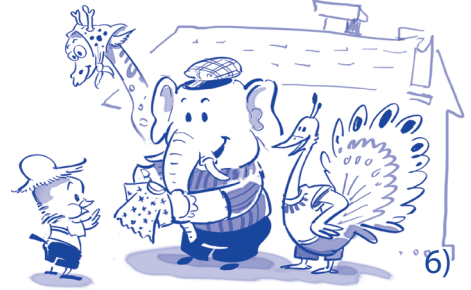
b) Gửi ảnh về nhà.



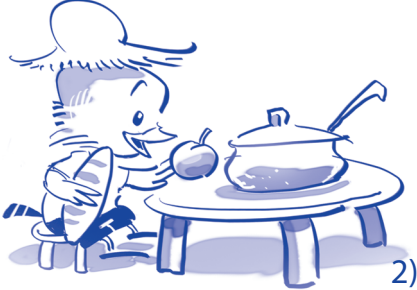
5)

c) Đi thăm nhiều nơi và gặp nhiều bạn mới.

d) Các bạn tặng một chiếc áo hoa.



6)



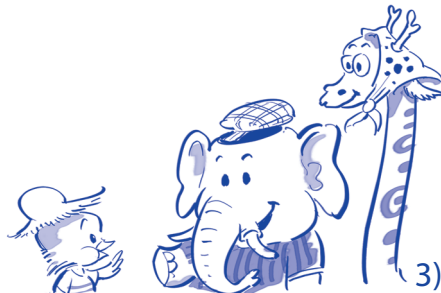
2)

e) Ăn nhiều món ăn rất khác ở nhà.

g) Rất thích chiếc áo hoa đỏ.



7)



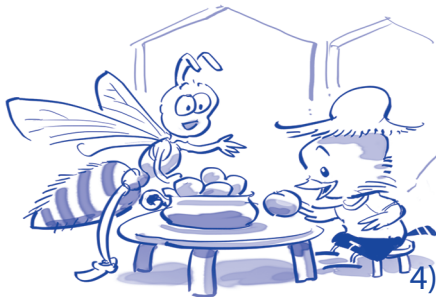
3)

h) Ăn sáng cùng bạn Ong Mật.

i) Hát múa cùng gia đình bạn Công.



8)



4)

11. Dựa vào tranh, kể lại câu chuyện của Chích Bông.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



1. Đánh dấu ✓ vào từ thích hợp để miêu tả cảnh trong tranh :

a) Thời tiết hôm nay ...

☐ nóng

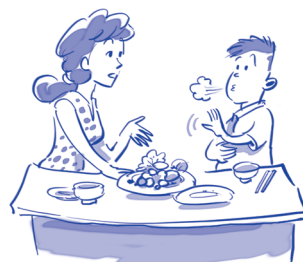
☐ ấm



b) Mẹ muốn con ăn nhiều nhưng con ... rồi.

☐ đói

☐ no



c) Hôm nay Huy học ... vì ngày mai có bài kiểm tra.

☐ ít

☐ chăm chỉ



d) Ông Tùng ... vì đi bộ nhiều.

☐ yếu

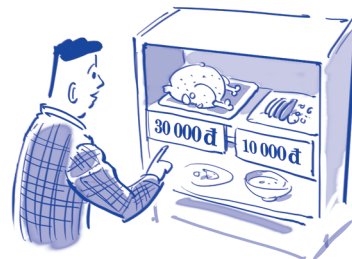
☐ khỏe



e) Tôi rất thích các món ăn ...

☐ ngon

☐ rẻ



g) Quyển từ điển này rất ...

☐ rẻ

☐ đắt





2. Dùng các từ **rất, lắm, quá** và các từ phù hợp trong bài tập 1 để hoàn thành câu :

M: a) Mùa hè, nhiệt độ trong phòng là 38 độ. Trời → Trời rất nóng.

b) Mẹ ơi, con ! Con không muốn ăn nữa.

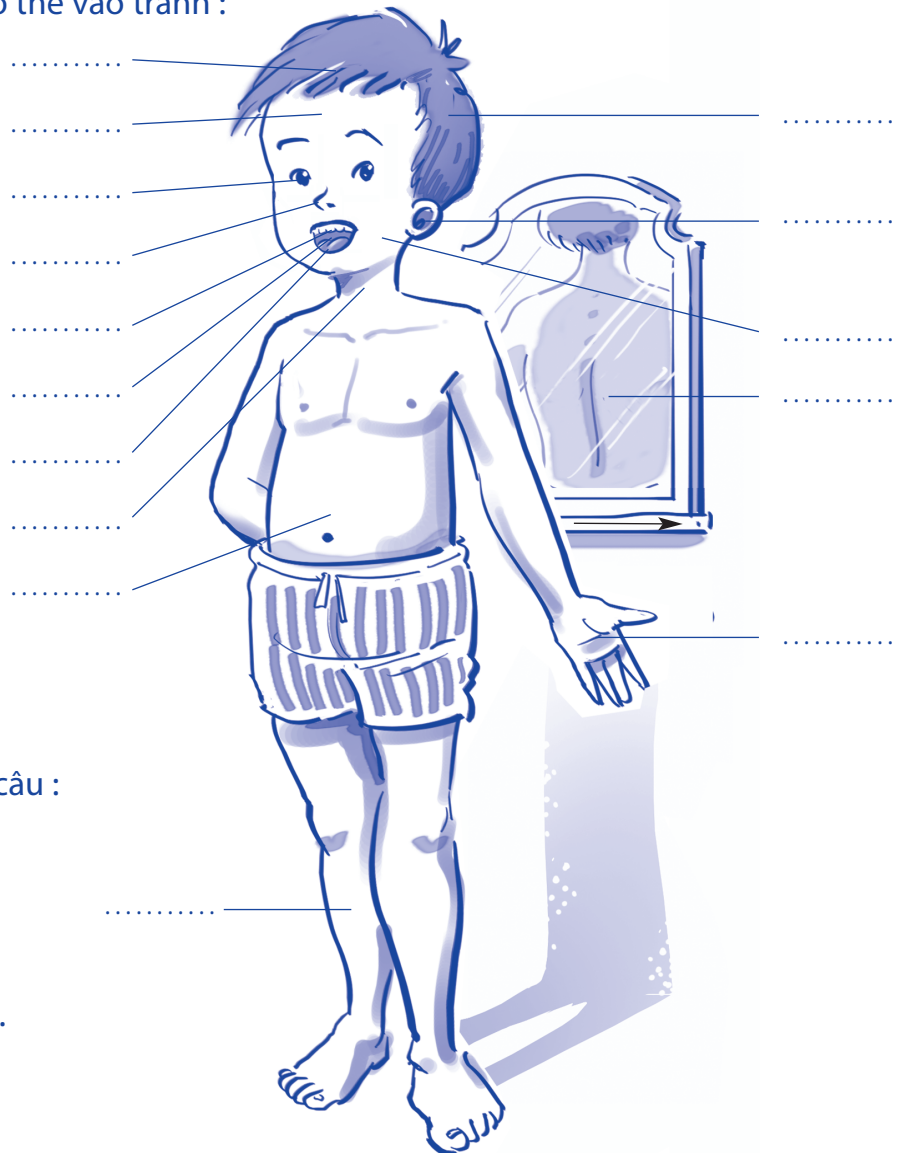
c) Ngày mai Huy có bài kiểm tra. Bạn ấy học cả ngày hôm nay. Bạn ấy

d) Ông Tùng 70 tuổi. Hằng ngày ông ấy đi bộ 10km. Ông ấy!

e) Món ăn ở nhà hàng này Rất nhiều người thích đến đây để ăn tối.

g) Quyển sách này ! Tôi không muốn mua nó.

3. Điền các từ chỉ bộ phận cơ thể vào tranh :



4. Tìm từ chỉ bộ phận cơ thể thích hợp để hoàn thành câu :

a) để nhìn.

b) để ngủ.

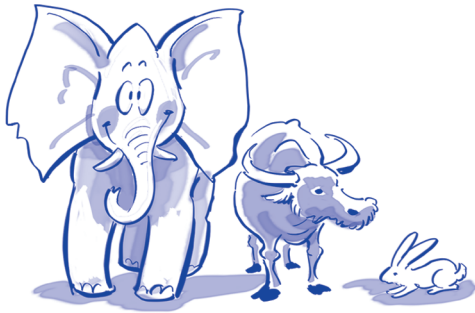
c) để nghe.

d) để ăn và nói.

e) để đi.

g) để cầm.

5. So sánh và viết câu theo mẫu :



M : a) Con voi to nhất.
Con thỏ nhỏ nhất.



b) Chị Tuyết cao 1m 65.
Em Hiền cao 1m 40.
Em Thương cao 1m 20.



c) Mùa đông, nhiệt độ là 10 độ.
Mùa hè, nhiệt độ là 35 độ.
Mùa thu, nhiệt độ là 25 độ.



d) Phòng khách rộng 30m².
Phòng ngủ rộng 20m².
Phòng bếp rộng 15m².



e) Bác sĩ Xuân 55 tuổi.
Bác sĩ Tiến 40 tuổi.
Y tá Liên 20 tuổi.



g) Từ điển Anh – Việt dày 500 trang.
Từ điển Nhật – Việt dày 200 trang.
Từ điển Hàn – Việt dày 150 trang.

6. Điền các từ dưới đây vào chỗ trống :

bác sĩ, khám, cửa, rất, đầu, mua, không phải, chậm, nhiều

Một người đàn ông bị ốm. Ông (1)..... mệt. Ông đi đến nhà bác sĩ. Nhà (2)..... ở tầng 5 và không có thang máy. Người đàn ông leo cầu thang rất (3)....., vì ông mệt quá. Sau 15 phút, ông đến nhà bác sĩ và gõ cửa. Một người mở (4)..... Người đàn ông nói ngay :

– Xin chào bác sĩ. Tôi rất mệt. Tôi đau (5)..... và đau họng lắm. Bác sĩ, làm ơn (6)..... cho tôi.

Người kia nói :

– Thứ nhất, anh không nên làm việc (7)..... quá. Thứ hai, anh phải bỏ thuốc lá. Thứ ba, anh nên (8)..... giày mới.

Người đàn ông ngạc nhiên :

– Tại sao tôi phải mua giày mới ?

– Vì tôi (9)..... là bác sĩ. Tôi là người bán giày. Anh nhầm nhà rồi !

7. Dựa vào bài tập 6, trả lời câu hỏi :

a) Vì sao người đàn ông đi đến nhà bác sĩ ?

.....

b) Nhà bác sĩ ở đâu ?

.....

c) Ông ấy bị đau ở đâu ?

.....

d) Ông ấy đã gặp ai ?

.....

8. Các câu sau đây, câu nào đúng, câu nào sai ? Chữa lại các câu sai cho đúng :

ĐÚNG SAI

a) Mẹ tôi từng là sinh viên Đại học Ngoại ngữ.

☐ ☐

b) Hôm qua hai chị em tôi từng đi xem phim.

☐ ☐

c) Khi bà tôi còn nhỏ, bà tôi từng bị ốm nặng và phải nằm viện 1 năm.

☐ ☐

d) Ngày trẻ, bác Hùng từng đi bộ đội.

☐ ☐

e) Tháng trước ông Hưng từng đi Cam-pu-chia.

☐ ☐

Sửa lại câu sai :

.....

.....

.....

.....

9. Sắp xếp lại thứ tự các câu sau cho đúng bằng cách đánh số thứ tự vào ☐ trước mỗi câu :

- ☐ – Anh bị viêm họng. Tôi cho anh thuốc, anh uống trong 5 ngày.
Uống nhiều nước hoa quả nhé.
- ☐ – Tôi mệt lắm, đau đầu và đau họng.
- ☒ 1 – Chào bác sĩ ạ.
- ☐ – Anh có đau bụng không ?
- ☐ – Cảm ơn bác sĩ.
- ☐ – Bây giờ anh cặp nhiệt độ nhé. (...) 39 độ.
- ☐ – Chào anh. Anh đau ở đâu ?
- ☐ – Không, tôi không đau bụng.
- ☐ – Thưa bác sĩ, tôi bị làm sao ?

10. Đọc và đánh dấu vào ô thích hợp kiểm tra thông tin : đúng hay sai ?

Bệnh nhân nói với bác sĩ :

– Thưa bác sĩ, ban ngày tôi ngủ được và ngủ rất nhiều, nhưng ban đêm tôi không thể nào nhắm mắt được.

Bác sĩ nói :

– Chữa bệnh của anh rất dễ.

Bệnh nhân hỏi :

– Bác sĩ có đơn thuốc gì hay vậy ạ ?

– Từ hôm nay, anh hãy đi làm vào ban đêm - Bác sĩ trả lời.

ĐÚNG SAI

- | | | |
|---|--------------------------|--------------------------|
| a) Bệnh nhân mất ngủ ban ngày. | ☐ | ☐ |
| b) Bệnh nhân mất ngủ ban đêm. | ☐ | ☐ |
| c) Bệnh nhân mất ngủ cả ban ngày, ban đêm. | ☐ | ☐ |
| d) Ban ngày bệnh nhân ngủ rất nhiều, ban đêm mất ngủ. | ☐ | ☐ |
| e) Bác sĩ đã nói cách chữa bệnh. | ☐ | ☐ |

11. Dựa theo nội dung bài đọc trên, trả lời các câu hỏi :

a) Bệnh nhân cho là mình mắc bệnh gì ?

.....

b) Bệnh nhân đến gặp ai ?

.....

c) Bác sĩ nói cách chữa bệnh là gì ?

.....

d) Theo em bệnh nhân chữa theo cách đó có khỏi bệnh không ?

.....

12. Đọc và trả lời câu hỏi :

Cô giáo nói với học sinh lớp 1 :

– Ngày mai là chủ nhật, mỗi em hãy làm một việc tốt giúp bố mẹ, để bố mẹ vui lòng nhé !

Ngày thứ hai, cô giáo hỏi một học sinh :

– Hôm qua em đã làm được việc gì tốt để bố mẹ vui lòng ?

Em học sinh trả lời :

– Thưa cô, hôm qua em đã làm được hai việc tốt. Buổi sáng, em đến nhà ông bà ngoại chơi, bố mẹ em rất vui. Buổi chiều, em về nhà với bố mẹ, ông bà rất vui ạ !

Câu hỏi :

a) Ngày mai là thứ mấy ?

.....

b) Cô giáo muốn học sinh làm gì vào ngày mai ?

.....

c) Vào ngày thứ hai, cô giáo hỏi một học sinh điều gì ?

.....

d) Em học sinh đó đã đến nhà ai trong ngày chủ nhật ?

.....

e) Vì sao khi em ấy đến nhà ông bà thì bố mẹ vui, còn khi em ấy về nhà với bố mẹ thì ông bà vui ?

.....

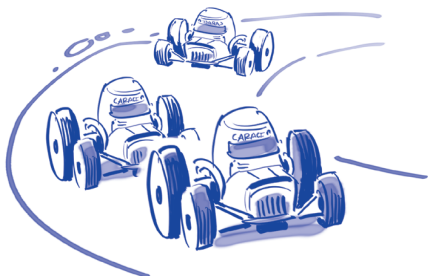


Thể thao



1. Đây là môn thể thao gì ?

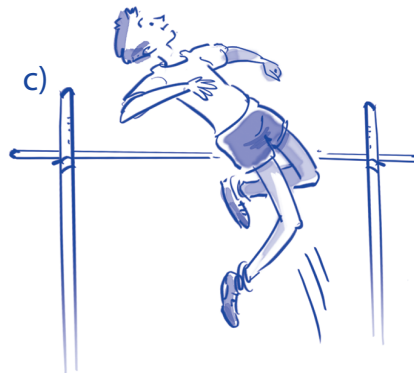
a)



b)



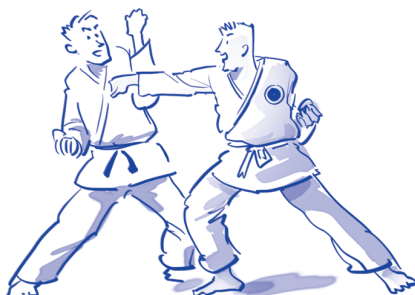
c)



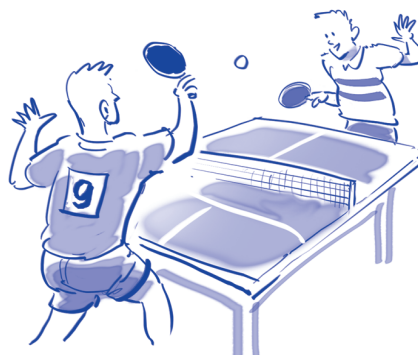
d)



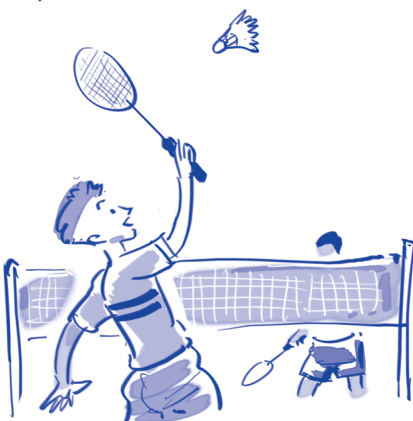
e)



g)



h)



i)



k)





2. Miêu tả các tranh ở bài tập 1 theo mẫu :

M (Tranh a) : – Họ đang đua ô tô.

Tranh b:

Tranh c:

Tranh d:

Tranh e:

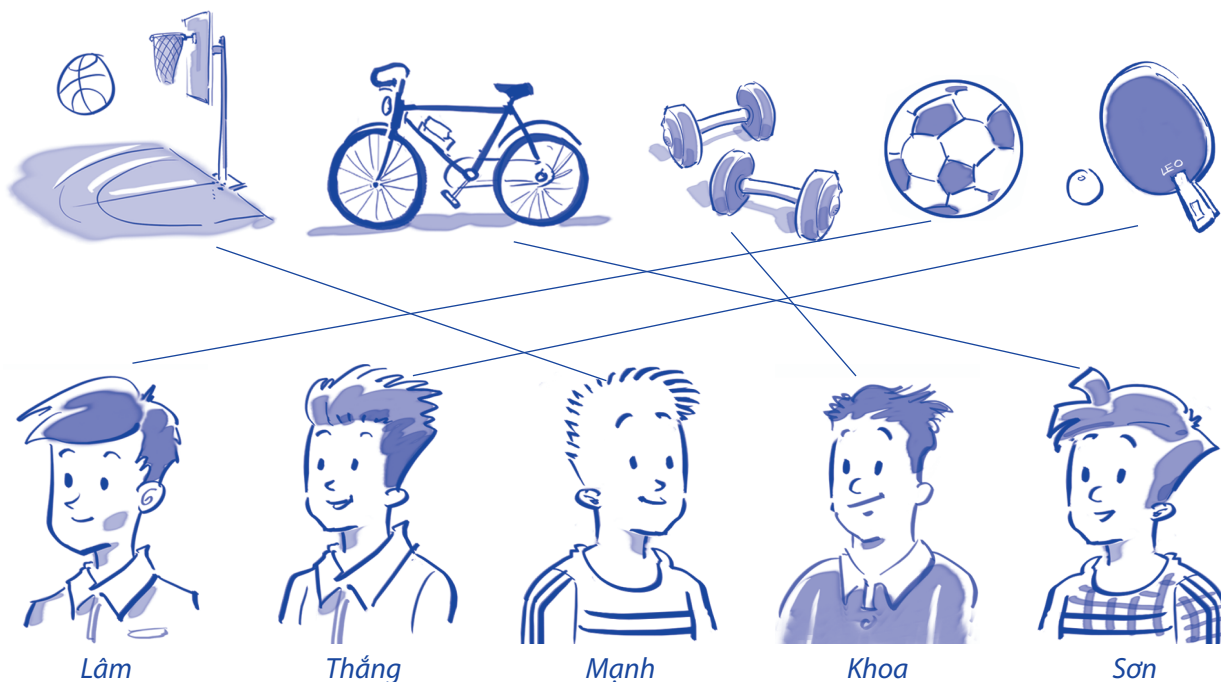
Tranh g:

Tranh h:

Tranh i :

Tranh k:

3. Xem tranh, hoàn thành các câu ở bên dưới :



a) Lâm thích

b) Thắng thích

c) Mạnh thích

d) Khoa thích

e) Sơn thích

4. Hoàn thành câu :

- a) Bây giờ em đang.....
- b) Hôm qua em đã
- c) Em sắp
- d) Em sẽ không
- e) Lớp em sắp

5. Điền *sắp* hoặc *sẽ* vào các câu sau cho thích hợp :

- a) Ngày mai Phương đi du lịch Lào.
- b) Bây giờ là cuối học kỳ I. Chúng tôi thi học kỳ rồi.
- c) Trận đấu kết thúc. Bây giờ tỉ số là 3–2.
- d) Tháng sau là mùa hè, tôi đi bơi.
- e) Chị Hoa thi đại học. Hai tháng nữa chị ấy thi vào Trường Đại học Xây dựng.

6. Đọc bảng *Kết quả bóng đá Cúp C1 Châu Âu*. Viết câu theo mẫu.

M : Đội A thắng / hoà / thua đội B (với tỉ số)

KẾT QUẢ BÓNG ĐÁ CÚP C1 CHÂU ÂU (NGÀY 27/9)

- a) Spartak Moscow - Sporting Lisbon.....1 - 1
- b) Inter Milan - Bayern Munich.....0 - 1
- c) Liverpool - Olympiakos3 - 2
- d) Valencia - Roma.....2 - 1
- e) Real Madrid - Arsenal.....2 - 3
- g) Bordeaux - PSV Eindhoven.....0 - 0

- a)
- b)
- c)
- d)
- e)
- g)

7. Điền từ thích hợp vào chỗ trống :

Đây là tin thể thao (1) Trường Trung học cơ sở Hoa Sen. Chiều nay lúc 4 giờ tại sân vận động của trường sẽ có trận bóng rổ (2) đội bóng 9A và đội bóng 9E. Đội bóng 9E là (3) mạnh nhất của trường chúng ta. Đội bóng 9A sẽ thắng (4) thua đội bóng 9E ?

Đây (5) câu trả lời của cổ động viên lớp 9A : “Đội 9A chắc chắn sẽ thắng !”

Còn đội 9E nghĩ thế nào ? “Tôi là (6) lớp 9E. Tôi rất thích đội bóng lớp tôi. Đội 9E vô địch ! Đội 9E sẽ (7) !”



8. Nối các câu với tranh cho đúng :

CÔNG VIỆC CỦA MỘT ANH BẢO VỆ

a) Bây giờ là 8 giờ sáng.
Anh bảo vệ **đang** đi vào
công viên.



b) Anh nhìn thấy một bé gái
đang chạy rất nhanh.



c) Bé gái vấp vào rễ cây và
bị ngã. Anh bảo vệ chạy
đến, giúp em bé đứng dậy.



d) Sau đó, anh đi đến hồ
nước. Có một cậu bé **sắp**
nhảy xuống hồ để bơi. Anh
bảo vệ hét to : "Cậu bé !
Không được bơi ở đây !"



9. Trả lời câu hỏi :

a) Anh bảo vệ đi vào công viên lúc mấy giờ ?

.....

b) Anh ấy nhìn thấy gì ?

.....

c) Vì sao bé gái bị ngã ?

.....

d) Chuyện gì xảy ra ở hồ nước ?

.....

e) Anh bảo vệ nói gì ?

.....

10. Dựa theo mẫu ở cuối bài, viết các tin thể thao với những gợi ý sau :

a) 9 giờ / sáng nay / trận bóng bàn / tại Câu lạc bộ thể thao Hoàn Kiếm / đội Hoàn Kiếm / đội Đồng Đa / đội Đồng Đa thắng 21 – 15.

.....

.....

.....

.....

.....

b) 5 giờ / chiều qua / trận bóng chuyền / trên sân vận động Nha Trang / đội Khánh Hoà / đội nữ Đồng Nai / đội nữ Đồng Nai thắng 5 – 3.

.....

.....

.....

.....

.....

M : Hôm nay, vào lúc 5 giờ chiều, trên sân Hàng Đẫy đã diễn ra trận bóng đá giữa đội Hà Nội và đội Hải Phòng. Cầu thủ của hai đội đã chơi rất cố gắng. Kết thúc trận đấu, đội Hải Phòng thắng 2 – 0. Cầu thủ ghi bàn là Cao Cường. Anh ấy là cầu thủ xuất sắc nhất trận đấu.



Lễ hội



1. Điền những từ ngữ sau đây vào chỗ trống :

hội chùa Hương, Tết, mừng tuổi, chúc Tết, sống lâu, mạnh khỏe

- a) – Năm nay cậu ăn (1) ở bên này hay ở Việt Nam ?
 – Mình với ba má sẽ về Việt Nam ăn Tết, sau đó đi (2)
- b) – Cháu mới về à ? Bây giờ đi đâu đấy ?
 – Vâng, cháu về trước Tết. Bây giờ cháu đến ông bà.
- c) – Cháu lớn rồi, bác vẫn (1) cho cháu ạ ?
 – Bác mừng tuổi để chúc cháu năm nay thi đỗ.
 – Cháu cảm ơn bác. Cháu chúc hai bác và cả nhà luôn luôn (2)
- d) – Cháu chúc ông bà (1) trăm tuổi.
 – Ông bà chúc cháu (2), học giỏi.





2. Đặt câu hỏi với **được không** :

M : Cậu ăn bánh chưng với mình.

→ Cậu ăn bánh chưng với mình được không ?

a) Cậu ăn thử miếng giò này.

.....

b) Má cho con đi siêu thị với má.

.....

c) Lan ơi, con viết cho má mấy cái bưu thiếp chúc Tết.

.....

d) Má ơi, con đi chúc Tết.

.....

e) Ba ơi, cuối tuần này con đi câu cá với chú Hùng.

.....

3. Trả lời các câu hỏi em vừa đặt ở bài tập 2 theo gợi ý : **đồng ý** (+), **không đồng ý** (-).

a) – Cậu ăn thử miếng giò này ?

– (+) Ăn thử xem giò có ngon không.

b) – Má cho con đi siêu thị với má ạ ?

– (+) Thế thì mau lên !

c) – Lan ơi, con viết cho má mấy cái bưu thiếp chúc Tết ?

– (+) Bưu thiếp đâu ạ ?

d) – Má ơi, con đi chúc Tết ?

– (-) Phải chờ người xông nhà đã, con ạ.

e) – Ba ơi, cuối tuần này con đi câu cá với chú Hùng ?

– (-) Cuối tuần này nhà ta có khách, con ạ.

4. Hãy giải thích các cụm từ sau theo mẫu :

M : Ba mẹ con = một mẹ + hai con

- a) Hai anh em =
- b) Ba chú cháu =
- c) Ba bố con =
- d) Bốn ông cháu =
- e) Năm thầy trò =

5. Thêm các từ **ra, vào, lên xuống** để hoàn thiện các câu sau :

M : Bạn con gọi ở dưới nhà. Con nhà mở cửa đi.

→ Bạn con gọi ở dưới nhà. Con **xuống** nhà mở cửa đi

- a) Kính của bố để ở trên gác. Con gác, lấy giúp bố với.
- b) Trời sắp mưa. Con ngoài sân cất quần áo đi.
- c) Dao ở trong bếp. Con bếp lấy giúp bố với.
- d) Nước ở dưới bể bơi ấm lắm. Cậu bơi đi.
- e) Trên gác có nhiều món ăn lắm. Chúng mình đẩy đi.
- g) Cái túi mẹ để ở trong nhà. Con nhà lấy ra đây cho mẹ với.
- h) Quyển từ điển ở dưới nhà. Con nhà lấy lên đây cho mẹ nhé.

6. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành các câu sau ; viết lại các câu đó.

a) (Trên / Dưới) núi có nhiều gỗ quý, (trên / dưới) biển có cá đủ loại.

.....
b) Mùa đông rất dễ bị ốm bởi vì (ngoài / trong) nhà thì ấm (ngoài / trong) đường thì rất lạnh.

.....
.....

c) Những người đến sớm đang chờ (trước / sau) cổng nhà thờ để vào làm lễ.

.....
.....

d) Cậu bé sợ bác sĩ, đang nấp (sau / trước) lưng mẹ.

.....
.....

e) Đi thăm thành phố bằng tàu thủy rất thú vị. Từ (trên / dưới) sông nhìn lên, thấy nhà cửa hai bên bờ rất đẹp.

.....
.....

7. Chọn từ trong ngoặc đơn thích hợp với chỗ trống :

- a) Từ trên bến, chúng tôi bước (lên / xuống) thuyền vào Đền Trình.
- b) Chúng ta chỉ (vào / ra) chùa này lễ 10 phút rồi (vào / ra) ngay vì thời gian còn ít lắm.
- c) (Xuống / Lên) đỉnh núi mất một giờ nhưng khi (xuống / lên) núi chỉ mất nửa giờ thôi.
- d) Ở Đền Trình (ra / vào), chúng tôi bắt đầu leo núi (xuống / lên) chùa chính.

8. Sắp xếp lại các từ ngữ để tạo thành các câu đúng :

- a) mai / chứ / cậu không bạn ? được không / với tớ / đi xem Paris by night ?

.....
.....

- b) không bạn / tớ. có vé / nhưng / tớ / không.

.....

- c) cùng đi / mai / ba má tớ / chị tớ / và. đã mua vé / ba tớ / hai tuần trước rồi.

.....
.....

- d) hết vé rồi / bây giờ thì.

.....

- e) cho tớ / lại có vé / vậy tại sao ?

.....

- g) cùng đi / định mời chú tớ / ba tớ.

.....

- h) không đi được / nhưng chú tớ.

.....

- i) hôm qua rồi / phải trở về Boston / chú ấy.

.....

- k) thì tuyệt / đi xem Paris by night / ngày Tết. may mắn / thật / tớ.

.....
.....

9. Hoàn thành các đối thoại sau :

- a) – ?
– Tớ đến nhà Hằng mượn vở và hỏi bài.
- b) – Cậu cho tớ mượn vở được không ?
– (+)
- c) – Cậu đèo tớ về nhà ?
– (-) Rất tiếc, xe tớ bị hỏng.
- d) – Cậu đi đá bóng với tớ được không ?
– (-), tớ chưa học bài ngày mai.

10. Hỏi – đáp về việc chuẩn bị Tết theo mẫu :

M₁ : Sắp xếp lại sách vở ✓

- Bạn đã sắp xếp lại sách vở chưa ?
– Rồi. Mình sắp xếp lại rồi.

M₂ : Sắp xếp lại sách vở

- Bạn đã sắp xếp lại sách vở chưa ?
– Chưa. Mình chưa sắp xếp.
– Hôm nào bạn sẽ sắp xếp ?
– Ngày 28 Tết mình sẽ sắp xếp.

a) Gửi thiệp chúc Tết ✓

-
–

b) Dọn phòng khách

-
–
–
–

c) Đưa mẹ đi chợ ✓

-
–

d) Mua bánh chưng

-
–
–
–

e) Mua hoa

-
–
–
–

11. Viết thư cho bạn ở Việt Nam kể về lễ Giáng sinh nơi em ở.

Gợi ý :

- a) Em được nghỉ học mấy ngày ?
- b) Đường phố như thế nào ? Các cửa hàng bán những gì, có đông khách không ?
- c) Gia đình em chuẩn bị đón lễ Giáng sinh như thế nào ?
- d) Bữa cơm đêm Giáng sinh ở nhà em thế nào ?
- e) Em nhận được quà gì trong đêm Giáng sinh ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....





1. Đây là những loại tranh gì ?



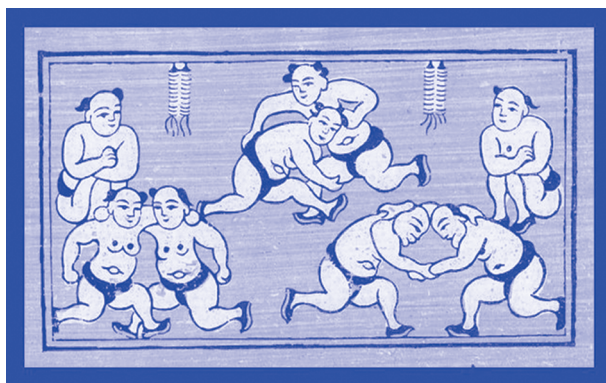
a) tranh sơn dầu



b)



c)



d).....



2. Hoàn thành đối thoại sau :

A : – Cậu đi đâu đấy ?

B : – (1)..... mua tranh treo Tết.

A : – Cậu muốn mua tranh gì ?

B : – (2)..... một bức tranh lụa.

A : – Cậu đến phòng tranh Cây Cọ chưa ?

B : – Mình đến (3)..... . Nhưng tranh ở đấy đắt quá !

A : – Tranh đắt là tranh (4)..... họa sĩ nổi tiếng.

B : – Tranh dân gian có (5)..... không ?

A : – Tranh dân gian cũng đắt.

B : – Tranh gì (6)..... ?

A : – Tranh copy thì rẻ.

3. Các câu sau đây đúng hay sai ? Đánh dấu ✓ vào ☐ thích hợp.

ĐÚNG SAI

a) Bức tranh này đẹp quá ! ☐ ☐

b) Cậu mặc cái áo này đẹp lắm ! ☐ ☐

c) Con ngựa này khỏe rất. ☐ ☐

d) Cái bút này đẹp thật ! ☐ ☐

e) Chữ bạn ấy lắm đẹp ! ☐ ☐

4. Sửa lại những câu sai ở bài tập 3.

.....

5. Chuyển các câu sau thành câu hỏi với *phải không, có phải không* ?

M : Bức tranh này là của họa sĩ Tô Ngọc Vân.

→ Bức tranh này là của họa sĩ Tô Ngọc Vân **phải không ?**

→ Bức tranh này là của họa sĩ Tô Ngọc Vân **có phải không ?**

→ **Có phải** bức tranh này là của họa sĩ Tô Ngọc Vân **không ?**

a) Chị cậu ấy là ca sĩ.

.....
.....
.....

b) Cậu là con thứ hai trong gia đình.

.....
.....
.....

c) Em cậu ít hơn cậu ba tuổi.

.....
.....
.....

d) Cậu thích bóng bàn lắm.

.....
.....
.....

6. Hoàn thành các đối thoại sau với *phải không, có phải không* :

M : Hỏi : – Thầy là thầy giáo mới **phải không** ạ ? /

– Thầy là thầy giáo mới **có phải không** ạ ? /

– **Có phải** thầy là thầy giáo mới **không** ạ ?

Đáp : – Phải. Tôi là thầy giáo mới của các em.

a) – ? /

– ? /

– ?

– Phải. Tôi dạy tiếng Việt.

b) – ? /

– ? /

– ?

– Phải. Các em sẽ học quyển “Tiếng Việt Vui”.

c) – ? /

– ? /

– ?

– Không. Mỗi tuần các em sẽ học 4 buổi.

d) – ? /

– ? /

– ?

– Vâng. Chúng em rất thích học tiếng Việt.

7. Thêm các từ **ra, vào, lên, xuống** vào chỗ trống để hoàn thành những câu dưới đây :



a) Máy bay đang bay



b) Học sinh đang lớp.



c) Ba nhà đón khách.



d) Thầy giáo đi

8. Điền các từ **tấm, bức** vào chỗ trống :

- a) Con vừa nhận được một (1)..... thư.
- b) Tôi muốn mua một (2)..... tranh.
- c) (3)..... bảng này bằng gỗ.
- d) (4)..... thiệp mừng năm mới của chị Lan đẹp quá !
- e) Hai nhà chung một (5)..... tường.

9. Sửa lỗi chính tả trong những câu sau :

a) Paris by night đang có trương trình đặc biệt.

Từ cần sửa :

b) Có diễn viên nào mới ở Việt Nam xang không ?

Từ cần sửa :

c) Nếu cậu có thời dan chúng mình cùng đi sem.

Từ cần sửa :

d) Trong dịp Tết treo chanh Đông Hồ là rất hợp lí.

Từ cần sửa :

e) Cậu dúp mình trợn chanh nhé !

Từ cần sửa :

10. Đặt câu để :

a) Khen bạn có cái áo đẹp.

.....

b) Khen bộ phim hay.

.....

c) Khen nhà bạn sạch sẽ.

.....

d) Khen thời tiết hôm nay dễ chịu.

.....

11. Kể về một họa sĩ, nhà văn hoặc nghệ sĩ em thích.

Gợi ý :

a) Họa sĩ, nhà văn hoặc nghệ sĩ ấy tên là gì ?

b) Ông (bà, anh, chị) ấy là người nước nào ?

c) Em thích những tác phẩm nào của ông (bà, anh, chị) ấy ?

d) Em muốn nói điều gì về ông (bà, anh, chị) ấy ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN

BÀI 1. GIA ĐÌNH

1. Viết tiếp các từ cùng nhóm

- a) ông, bà, ba, má, cô, chú, anh trai, em gái
- b) giáo viên, y tá, sinh viên, kế toán, giám đốc
- c) Anh, Brasil, Đức, Mĩ, Nam Phi, Pháp

2. Nhìn tranh, hỏi đáp theo mẫu

- b) A : – Đây là ai ?
B : – Đây là ba em. Ba em là giáo viên.
- c) A : – Đây là ai ?
B : – Đây là má em. Má em là kế toán.
- d) A : – Đây là ai ?
B : – Đây là cô em. Cô em là y tá.
- e) A : – Đây là ai ?
B : – Đây là chú em. Chú em là sinh viên.

3. Nhìn tranh, hỏi đáp theo mẫu

- b) A : – Đây là ai ?
B : – Đây là Bill Gates.
A : – Bill Gates là ai ?
B : – Bill Gates là người Mĩ.
- c) A : – Đây là ai ?
B : – Đây là Balzac.
A : – Balzac là ai ?
B : – Balzac là người Pháp.
- d) A : – Đây là ai ?
B : – Đây là Heine.
A : – Heine là ai ?
B : – Heine là người Đức.
- e) A : – Đây là ai ?
B : – Đây là Ronaldo.
A : – Ronaldo là ai ?
B : – Ronaldo là người Brasil.

4. Chuyển đổi câu theo mẫu

- a) Ông Đình là ông em Hoa.
- b) Lan là em gái anh Lân.
- c) Chú Phong là chú em Nhi.
- d) Thím Ba là thím em Phương.

5. Đặt câu giới thiệu các nhân vật trong bài tập 4

- a) Đây là em Hoa, cháu ông Đình.
- b) Đây là ông Đình, ông em Hoa.
- c) Đây là anh Lân, anh trai Lan.
- d) Đây là Lan, em gái anh Lân.
- e) Đây là em Nhi, cháu chú Phong.
- g) Đây là chú Phong, chú em Nhi.
- h) Đây là em Phương, cháu thím Ba.
- i) Đây là thím Ba, thím em Phương.

6. Viết các đoạn hội thoại

- a) – Cháu chào ông bà. – Chào cháu.
- b) – Con chào ba má. – Chào con.
- c) – Cháu chào thím. – Chào cháu.
- d) – Cháu chào cô chú. – Chào cháu.
- e) – Em chào anh. – Chào em.

7. Viết các đoạn hội thoại

- a) – Cháu chào chú. – Chào cháu.
- b) – Cháu chào ông. – Chào cháu.
- c) – Cháu chào cô. – Chào cháu.
- d) – Em chào anh. – Chào em.

8. Hoàn thành các hội thoại

- a) (1) Cháu ; (2) Chào cháu ; (3) là ai ; (4) Đây là
- b) (1) Em ; (2) Chào ; (3) Em
- c) (1) Chào cháu ; (2) Cháu là
- d) (1) cháu ; (2) là

9. Sắp xếp lại các từ ngữ đã cho, viết thành câu hoàn chỉnh

- a) Đây là ai ?
- b) Đây là ba má em.
- c) Đây là em gái anh Lân.
- d) Đây là anh Lân, anh trai Lan.
- e) Ba má em là giáo viên.

10. Hoàn chỉnh đoạn văn

- (1) là ; (2) Lan là ; (3) Đây là ; (4) Ba Lan là ; (5) anh trai ; (6) đây là ; (7) trường ; (8) Cháu chào cô ; (9) chào

BÀI 2. LÀM QUEN

1. Nhìn tranh, trả lời câu hỏi

- a) – Cậu bé đang làm gì ? – Cậu bé đang đi học.
- b) – Cậu bé đang làm gì ? – Cậu bé đang đọc.
- c) – Cô bé đang làm gì ? – Cô bé đang viết. / Cô bé đang viết bài. / Cô bé đang học bài.
- d) – Mẹ đang làm gì ? – Mẹ đang chào cô Tư (khi cô đến).
- e) – Mẹ đang làm gì ? – Mẹ đang nói chuyện.
- g) – Mẹ đang làm gì ? – Mẹ đang chào cô Tư (khi cô về).

2. Nối tên người ở cột A với tên nghề nghiệp ở cột B

- a) Newton là nhà khoa học.
- b) Balzac là nhà văn.
- c) Heine là nhà thơ.
- d) Bill Gates là nhà khoa học.
- e) Ronaldo là cầu thủ.

3. Viết câu trả lời và hỏi – đáp với bạn

- a) – Balzac là ai ? – Balzac là nhà văn.
- b) – Heine là ai ? – Heine là nhà thơ.
- c) – Bill Gates là ai ? – Bill Gates là nhà khoa học.
- d) – Ronaldo là ai ? – Ronaldo là cầu thủ.

4. Viết câu trả lời và hỏi – đáp với bạn

- a) – Balzac làm nghề gì ? – Balzac là nhà văn.
- b) – Heine làm nghề gì ? – Heine là nhà thơ.
- c) – Bill Gates làm nghề gì ? – Bill Gates là nhà khoa học.
- d) – Ronaldo làm nghề gì ? – Ronaldo là cầu thủ.

5. Hỏi – đáp với bạn theo các câu hỏi

Ví dụ :

- a) Nhà tôi / tớ có 4 người.
- b) Ba tôi là giáo viên.
- c) Má tôi là kế toán.
- d) Anh trai tôi 15 tuổi. Chị gái tôi 13 tuổi.
- e) Anh trai tôi là học sinh lớp 9. Chị gái tôi là học sinh lớp 7.
- g) Tôi 11 tuổi.
- h) Tôi học lớp 5.

6. Dựa vào các câu hỏi ở bài tập 5, viết về em và gia đình em.

Đáp án mở.

7. Dựa vào các câu bạn trả lời em ở bài tập 5, viết về bạn và gia đình bạn.

Đáp án mở.

8. Viết tiếp các từ mới học cùng nhóm

- a) ông, bà, ba, bố, mẹ, bác, cô, chú, anh trai, chị gái, em trai, em gái.
- b) giáo viên, y tá, kế toán, giám đốc, chính khách, nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ, cầu thủ, công nương, sinh viên, học sinh.
- c) một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một, mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu, mười bảy, mười tám, mười chín, hai mươi.
- d) nói chuyện, chào, viết, cảm ơn, đọc, học, đi, làm, làm rơi, nhặt, trả lời, đáp, bảo.

9. Giải các bài toán theo mẫu

- a) $3 + 2 + 2 = 7$. Ông bà em có 7 cháu.
- b) $7 - 4 = 3$. Ông bà em có ba cháu trai.
- c) $10 \times 2 = 20$. Trường em có 20 giáo viên.
- d) $20 : 4 = 5$. Lớp em có 5 tổ.

10. Hoàn thành các đoạn hội thoại

- a) (1) Cháu ; (2) Chào cháu ; (3) là gì ? ; (4) Cháu tên là
- b) (1) Em ; (2) Chào ; (3) Em ; (4) tuổi ? ; (5) Em ; (6) tuổi.
- c) (1) Chào cháu ; (2) Cháu là ; (3) Ba cháu ; (4) là gì ; (5) Ba cháu tên là
- d) (1) Cháu chào ; (2) có mấy ; (3) Nhà cháu có ; (4) làm gì ; (5) Bố cháu là ; (6) làm gì ? ; (7) Mẹ cháu là

11. Viết các đoạn hội thoại

Ví dụ :

- a) – Chào cậu (bạn).
– Chào cậu (bạn).
– Nhà cậu có mấy người ?
– Nhà tớ có ba (bốn, năm, sáu,...) người.
- b) – Chào cậu (bạn).
– Chào cậu (bạn).
– Cậu mấy tuổi ?
– Tớ 10 (8, 9, 11,...) tuổi.
– Cậu học lớp mấy ?
– Tớ học lớp 4 (3, 5, 6,...).
- c) – Chào cậu (bạn).
– Chào cậu (bạn).
– Cậu đang làm gì ?
– Tớ đang học bài (viết thư, nói chuyện,...).
- d) – Em chào anh / anh Huy.
– Chào em.
– Em gái anh tên là gì ạ ?
– Em gái anh tên là Huệ (Đào, Cúc,...).
– Em gái anh mấy tuổi ạ ?
– Em gái anh 10 (8, 9, 11,...) tuổi.
– Em gái anh học lớp mấy ạ ?
– Em gái anh học lớp 4 (3, 5, 6,...).

- e) – Cháu chào cô.
– Chào cháu.
– Cô làm nghề gì ạ ?
– Cô là giáo viên (kế toán, y tá,...).
– Con trai cô mấy tuổi ạ ?
– Con trai cô 10 (8, 9, 11,...) tuổi.
– Con trai cô học lớp mấy ạ ?
– Con trai cô học lớp 4 (3, 5, 6,...).

BÀI 3. THỜI GIAN – THỜI TIẾT

1. Sắp xếp các từ đã cho thành nhóm

TỪ NGỮ VỀ THỜI GIAN

- a) Hỏi về thời gian : *bao giờ, khi nào*
- b) Chỉ thời gian : *mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông, hôm nay, bây giờ, sáng, trưa, chiều, tối, nửa đêm, tháng, tuần, ngày, giờ, phút, giây.*

TỪ NGỮ VỀ THỜI TIẾT

- c) Hỏi về thời tiết : *thế nào*
- d) Chỉ thời tiết : *nắng, gió, nóng, lạnh, mát, nhiệt độ.*

2. Nhìn tranh, hỏi – đáp theo mẫu

- b) – Bây giờ là mấy giờ ?
– Bây giờ là 8 giờ 35 (sáng).
- c) – Bây giờ là mấy giờ ?
– Bây giờ là 12 giờ kém 10 (11 giờ 50) (trưa).
- d) – Bây giờ là mấy giờ ?
– Bây giờ là 13 giờ 25 (1 giờ 25) (trưa).
- e) – Bây giờ là mấy giờ ?
– Bây giờ là 15 giờ 45 (16 giờ kém 15 / 4 giờ kém 15 / 3 giờ 45) (chiều).
- g) – Bây giờ là mấy giờ ?
– Bây giờ là 21 giờ 5 (9 giờ 5) (tối).

3. Nhìn tranh, hỏi – đáp theo mẫu

- b) – Hôm nay là thứ mấy ?
– Hôm nay là thứ hai.
– Hôm nay là ngày mấy ?
– Hôm nay là ngày 12 (tháng 3).

- c) – Hôm nay là thứ mấy ?
 - Hôm nay là thứ sáu.
 - Hôm nay là ngày mấy ?
 - Hôm nay là ngày 22 (tháng 6).
- d) – Hôm nay là thứ mấy ?
 - Hôm nay là thứ bảy.
 - Hôm nay là ngày mấy ?
 - Hôm nay là ngày 8 (tháng 9).
- e) – Hôm nay là thứ mấy ?
 - Hôm nay là thứ năm.
 - Hôm nay là ngày mấy ?
 - Hôm nay là ngày 29 (tháng 11).
- g) – Hôm nay là thứ mấy ?
 - Hôm nay là thứ ba.
 - Hôm nay là ngày mấy ?
 - Hôm nay là ngày 18 (tháng 12).

4. Nhìn tranh ở bài tập 3, viết lời đối thoại và hỏi đáp theo mẫu

- b) – Bây giờ là mùa gì ?
 - Bây giờ là mùa xuân.
 - Mùa xuân trời thế nào ?
 - Mùa xuân ấm áp.
- c) – Bây giờ là mùa gì ? – Bây giờ là mùa hè.
 - Mùa hè trời thế nào ? – Mùa hè trời nóng.
- d) – Bây giờ là mùa gì ? – Bây giờ là mùa thu.
 - Mùa thu trời thế nào ? – Mùa thu trời mát.
- e, g) – Bây giờ là mùa gì ? – Bây giờ là mùa đông.
 - Trời mùa đông thế nào ? – Trời mùa đông lạnh.

5. Nhìn tranh ở bài tập 3, viết lời đối thoại và hỏi – đáp theo mẫu

- b) – Hôm nay là ngày mấy ?
 - Hôm nay là ngày 12 tháng 3.
 - Hôm nay trời thế nào ?
 - Hôm nay trời ấm áp.

- c) – Hôm nay là ngày mấy ?
 - Hôm nay là ngày 22 tháng 6.
 - Hôm nay trời thế nào ?
 - Hôm nay trời nóng.
- d) – Hôm nay là ngày mấy ?
 - Hôm nay là ngày 8 tháng 9.
 - Hôm nay trời thế nào ?
 - Hôm nay trời mát.
- e) – Hôm nay là ngày mấy ?
 - Hôm nay là ngày 29 tháng 11.
 - Hôm nay trời thế nào ?
 - Hôm nay trời lạnh.
- g) – Hôm nay là ngày mấy ?
 - Hôm nay là ngày 18 tháng 12.
 - Hôm nay trời thế nào ?
 - Hôm nay trời lạnh.

6. Hoàn thành các hội thoại

- a) (1) là thứ mấy ; (2) Hôm nay là ; (3) là ngày mấy
- b) (1) là mấy giờ ; (2) Bây giờ ; (3) lúc mấy giờ ; (4) Anh dậy
- c) (1) là mùa gì (2) Bây giờ ở Việt Nam ; (3) (trời) thế nào ; (4) Mùa đông (ở Việt Nam)
- d) (1) trời thế nào ; (2) Sáng nay ; (3) Chiều nay (trời) ; (4) 12 / 13,...

7. Hoàn thành các hội thoại

- a) (1) Bao giờ / tháng mấy ; (2) là mùa gì ; (3) Tháng sáu ; (4) thế nào ; (5) là bao nhiêu (độ)
- b) (1) mấy ; (2) Nhiệt độ ; (3) bao nhiêu ; (4) Nhiệt độ ; (5) bao nhiêu
- c) (1) Bao giờ / tháng mấy ; (2) là mùa gì ; (3) Tháng 1 là ; (4) Mùa đông ; (5) nhiệt độ
- d) (1) là ngày mấy ; (2) mùa gì ; (3) Tháng 10 là ; (4) Mùa hè ; (5) thế nào ; (6) nhiệt độ ; (7) là bao nhiêu

8. Đánh dấu ✓ vào chỗ bắt buộc phải thêm từ **của**

- Bắt buộc phải thêm từ **của** : b, d, e.
- Không bắt buộc phải thêm từ **của** : a, c, g.

9. Trả lời câu hỏi

- a) Một tháng thường có ba mươi hay ba mốt ngày.
- b) Một ngày có hai mươi bốn giờ.
- c) Một giờ có sáu mươi phút.
- d) Một phút có sáu mươi giây.

10. Trả lời câu hỏi

- a) Một năm thường có ba trăm sáu mươi năm ngày.
- b) Một tháng có bốn tuần.
- c) Một tuần có một trăm sáu mươi tám giờ.
- d) Một giờ có ba trăm sáu mươi giây.

11. Đánh dấu thanh cho đúng

TRỜI ĐẸP, TRỜI XẤU

- Khi *trời đẹp*, cậu thấy *cái gì ở trên đầu* ?
- *Tớ thấy* bầu trời và ánh nắng.
- Còn khi *trời xấu* ?
- *Tớ thấy một cái ô*.

12. Hoàn chỉnh bức thư

- (1) ngày ; (2) năm ; (3) ở ; (4) Bây giờ ; (5) Tháng ;
- (6) trời ; (7) trời ; (8) Bầu trời

BÀI 4. TRƯỜNG HỌC

1. Viết tiếp các từ ngữ đã cho vào nhóm thích hợp

- a) giáo viên, học sinh, *thầy giáo, cô giáo, sinh viên*
- b) giảng bài, viết, *học, đọc*
- c) nhảy dây, múa, *hát, vẽ, đá bóng*
- d) Toán, *Tiếng Việt, Lịch sử*
- e) sách, *bút, cặp*

2. Câu hỏi cho từ ngữ in đậm

- a) Câu hỏi 1 (*Linh học ở đâu ?*)
- b) Câu hỏi 2 (*Linh học ở trường nào ?*)
- c) Câu hỏi 3 (*Linh làm gì ?*)
- d) Câu hỏi 3 (*Linh làm gì ở Trường Chu Văn An ?*)
- e) Câu hỏi 3 (*Ai học ở Trường Chu Văn An ?*)

3. Câu hỏi cho từ ngữ in đậm

- a) Câu hỏi 1 (*Trường Chu Văn An ở đâu ?*)
- b) Câu hỏi 2 (*Trường Chu Văn An ở phố nào ?*)
- c) Câu hỏi 3 (*Trường nào ở phố Thụy Khuê ?*)

4. Câu trả lời phù hợp với câu hỏi

Câu a : ô số (2) ; câu b : số (3).

5. Hoàn thành các đoạn hội thoại

- a) (1) mấy ; (2) học lớp mấy ; (3) nào ; (4) ở đâu / ở phố nào
- b) (1) bao nhiêu ; (2) Trường em ; (3) lớp nào ; (4) bao nhiêu học sinh ; (5) Lớp em
- c) (1) học lớp mấy ; (2) mấy môn / bao nhiêu môn ; (3) môn gì ; (5) học

6. Điền từ **các** hoặc **của** vào chỗ trống trong truyện vui *Mới và cũ*

(1) của ; (2) các ; (3) các ; (4) Các ; (5) của ; (6) Các

7. Nhìn tranh, điền các từ **này, ấy** vào chỗ trống thích hợp

- a) (1) ấy ; (2) ấy
- b) (1) này ; (2) ấy
- c) (1) này ; (2) ấy
- d) (1) này

8. Điền các từ **này, ấy** vào chỗ trống thích hợp

- a) (1) ấy ; (2) ấy
- b) này
- c) (1) ấy ; (2) ấy
- d) (1) này ; (2) ấy

9. Sắp xếp lại các từ đã cho, viết thành câu hoàn chỉnh

- a) Các em học ở trường nào ?
- b) Trường Phan Chu Trinh ở đâu ?
- c) Trường em ở phố Nguyễn Thái Học.

- d) Các em học lớp mấy ?
- e) Các bạn ấy đang làm gì ?

10. Hoàn chỉnh đoạn văn

- (1) là ; (2) học ; (3) ở ; (4) của ; (5) học sinh / ấy ;
(6) các

BÀI 5. CỘNG ĐỒNG

1. Viết tên các nơi giao dịch, sinh hoạt cộng đồng dưới mỗi tranh

- a) Quán kem ; b) Hiệu sách ; c) Siêu thị ;
- d) Bể bơi ; e) Rạp xiếc ; g) Quán ăn ; h) Rạp chiếu phim ; i) Nhà hát ; k) Sân vận động ;
- l) Trường học

2. Nhìn tranh ở bài tập 1, trả lời câu hỏi theo mẫu

- c) – Không, đây không phải là trường học. Đây là siêu thị.
- d) – Không, đây không phải là sân vận động. Đây là bể bơi.
- e) – Vâng. Đây là rạp xiếc.
- g) – Vâng. Đây là quán ăn.
- h) – Không, đây không phải là khách sạn. Đây là rạp chiếu phim.
- i) – Không, đây không phải rạp chiếu phim. Đây là nhà hát.
- k) – Vâng. Đây là sân vận động.
- l) – Không, đây không phải là khách sạn. Đây là trường học.

3. Ghép các cụm từ ở cột A với danh từ tương ứng ở cột B

- a – 8 ; b – 6 ; c – 5 ; d – 2 ; e – 9 ; g – 1 ; h – 3,
i – 7 ; k – 4

4. Nhìn bản đồ và hoàn thành các hội thoại

- a) (1) phố Đông ; (2) phố Tây
- b) (1) câu lạc bộ ; (2) phố Bắc
- c) Phố Đông
- d) phố Tây
- e) (1) hiệu sách ; (2) Hiệu sách

- g) (1) Không phải ; (2) phố Bắc

- h) (1) Đúng rồi ; (2) Kem

- i) phố Nam

- k) (1) Đúng rồi ; (2) chợ

5. Đặt 5 câu hỏi tương tự về khu phố trong bản đồ

Ví dụ :

- a) Có phải bể bơi ở phố Bắc không ?
- b) Có phải rạp chiếu phim ở phố Tây không ?
- c) Có phải siêu thị ở phố Đông không ?
- d) Có phải nhà hát ở phố Nam không ?
- e) Có phải quán nước ở cạnh rạp chiếu phim không ?

6. Hoàn thành câu, dựa vào các từ cho sẵn

- a) Nơi ở mới của gia đình Mai có một siêu thị lớn.
- b) Nhà Hoa ở cách rạp chiếu phim.
- c) Bể bơi ở cạnh một quán kem.
- d) Đến bể bơi, Chi có thể bơi và ăn kem.
- e) Phố Nam có chợ và bưu điện.
- g) Nơi ở của Thanh không có sân vận động
- h) Loan thường đi xem xiếc vào thứ bảy.

7. Đánh dấu ✓ vào những việc có thể thực hiện tại nơi em ở.

Đáp án mở.

8. Dựa vào kết quả ở bài tập 7, viết thành câu hoàn chỉnh về những việc có thể thực hiện được tại nơi em ở.

Ví dụ :

Mọi người có thể đi siêu thị ở khu phố của em.
Mọi người có thể đi xem xiếc ở khu phố của em.
Mọi người có thể đi xem ca nhạc ở rạp hát của khu phố em.

9. Trả lời các câu hỏi về nơi em ở

Ví dụ :

Nhà em ở phố ...

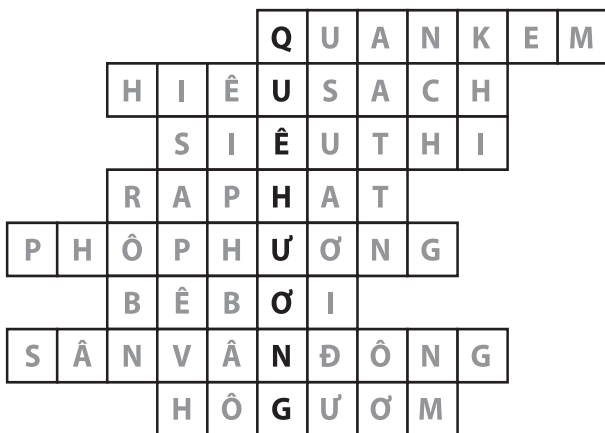
Nơi em ở có rạp xiếc, rạp chiếu phim, sân vận động.

Nhà em gần siêu thị.

Em thích nhất rạp xiếc.

Ngày nghỉ cuối tuần em thường đi xem phim, xem xiếc.

10. Từ ngữ thích hợp điền vào ô chữ



BÀI 6. GIAO THÔNG

1. Ghép tên các phương tiện đi lại với tranh tương ứng

a – 4 ; b – 7 ; c – 8 ; d – 1 ; e – 3 ; g – 2 ; h – 6 ; i – 5

2. Nhìn tranh, hoàn thành các hội thoại

- b) – Anh ấy đi ô tô.
- c) – Bà ấy đi xe ôm.
- d) – Chị ấy đến bằng xích lô. / – Chị ấy đi xích lô.
- e) – Các bạn đi học bằng xe buýt. / – Các bạn đi xe buýt.
- g) – Họ đến bằng tàu hoả. / – Họ đi tàu hoả.
- h) – Bác ấy đến đây bằng máy bay. / – Bác ấy đi máy bay.
- i) – Cô ấy đi bộ.

3. Đặt câu hỏi, dựa vào từ cho sẵn

- a) Phố này có cấm ô tô không ?
- b) Đường này có xe buýt không ?
- c) Ở đây có tắc xi không ?
- d) Thành phố này có xe điện không ?

- e) Hà Nội có xe ôm không ?
- g) Có máy bay đến Sa Pa không ?
- h) Có xe buýt đến phố bạn ở không ?
- i) Có tàu hoả đến Đà Lạt không ?

4. Điền từ *cái* vào chỗ trống thích hợp

(Chú thích : **⚡** nghĩa là không cần)

- a) ... nhiều (1) **⚡** xe máy và (2) **⚡** xe đạp.
- b) ... một *cái* tắc xi...
- c) ... bằng (1) **⚡** xe máy ; ... đi (2) **⚡** xe buýt.
- d) *Cái* xe đạp này...
- e) ... hai *cái* xe máy.
- g) *Cái* xe máy màu xanh này...
- h) ... một *cái* / **⚡** xe buýt ...
- i) ... một (1) *cái* xe máy, ...một (2) *cái* xe đạp...

5. Hoàn thành câu, dùng các từ cho sẵn

- a) Thoa thường đi xe đạp đến trường.
- b) Bố bạn Hương mới mua một cái ô tô.
- c) Mẹ Sơn thường đi Sơn đến trường bằng xe máy.
- d) Chị Hương thích đi bộ đến công ti.
- e) Phố này cấm đi xe trên vỉa hè.

6. Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp

Đáp án mở.

7. Hoàn thành câu về các thông tin trên

Ví dụ :

Nơi em ở có xe đạp, xe máy, xe ngựa, xe ô tô.
Em thường đi lại bằng xe đạp.
Em thích đi xe ngựa .
Em muốn có một cái xe máy.

8. Viết một đoạn văn về nơi em ở

Ví dụ :

Nhà em ở ...

Mọi người thường đi lại bằng xe đạp, xích lô, xe máy, xe ngựa, ô tô, tắc xi.

Trường học của em rất gần nơi em ở.

Em đi bộ đến trường.

Bố em thường đi lại bằng xe máy.
Mẹ em thường đi lại bằng xe đạp.
Em thích đi xích lô.
Em thích nơi em ở có tàu điện.

9. Đọc và đặt câu hỏi cho những cụm từ gạch chân

- (1) Julia *bao nhiêu tuổi* ?
- (2) Julia đến Việt Nam *bao giờ / khi nào* ?
- (3) Ở Việt Nam Julia *làm gì* ?
- (4) Trường học của Julia *ở đâu* ?
- (5) Julia đi học *bằng gì / bằng xe gì* ?
- (6) Lớp học tiếng Việt của Julia *có mấy / bao nhiêu học sinh* ?
- (7) Julia học tiếng Việt *khi nào* ?
- (8) *Khi nào / Thứ mấy* Julia đi bơi, đi xem phim ?
- (9) Chủ nhật Julia thường đi dạo phố *bằng gì / bằng xe gì* ?

10. Điền những từ cho sẵn vào chỗ trống

- (1) ở ; (2) có ; (3) đến ; (4) đi ; (5) đi ; (6) có ; (7) đi bộ ; (8) có ; (9) cấm ; (10) đến ; (11) đi ; (12) ở ; (13) có ; (14) xe ; (15) cái.

BÀI 7. MUA SẴM

1. Đây là gì ? Hãy viết tên các vật trong tranh.

- a) quyển từ điển ; b) quyển sách ; c) cái bút ;
d) cái mũ ; e) cái nón ; g) cái túi thêu ; h) bưu thiếp ; i) cái kính ; k) khăn quàng cổ ; l) áo phông

2. Nhìn tranh, trả lời câu hỏi

- b) A : – Chị muốn mua gì ? B : – Tôi muốn mua *một quyển lịch / quyển lịch này*.
c) A : – Bác muốn mua gì ? B : – Tôi muốn mua *một cái kính / cái kính này*.
d) A : – Cháu muốn mua gì ? B : – Cháu muốn mua *một cái bút / cái bút này*.

- e) A : – Em muốn mua gì ? B : – Em muốn mua *một cái khăn quàng / cái khăn quàng này*.
g) A : – Cô muốn mua gì ? B : – *Tôi muốn mua một lọ hoa / lọ hoa này*.

3. Hoàn thành các hội thoại

- a) Cháu muốn mua
b) Cho cháu mua
c) (1) (Cô ơi), bao nhiêu tiền ; (2) cái nón này.
d) (1) muốn mua gì ? ; (2) muốn mua
e) (1) bao nhiêu tiền ; (2) Cho cháu mua
g) (1) bao nhiêu tiền ; (2) 2 cái.

4. Điền từ thích hợp vào mỗi chỗ trống để hoàn thành bài hội thoại

- (1) cháu ; (2) muốn ; (3) Cháu ; (4) mua ;
(5) Cháu ; (6) mua ; (7) Quyển ; (8) bao nhiêu ;
(9) Cho ; (10) quyển.

5. Sắp xếp lại các từ đã cho, viết thành câu hoàn chỉnh.

- a) Hoa trong vườn bác tôi rất đẹp.
b) Mai rất thích Hà Nội.
c) Mẹ Hoa mua rất nhiều quà.
d) Chuyến đi của bạn tôi rất thú vị.
e) Mọi người ở đây rất thân tình và chu đáo.
g) Chuối ở quê tôi rất ngon.

6. Hoàn thành các câu nói về nơi em ở

Ví dụ :

- a) *Nơi em ở rất đẹp*.
b) *Đây là một thành phố rất thú vị*.
c) *Thức ăn ở đây rất ngon*.
d) *Người dân ở đây rất chu đáo*.
e) *Mọi người rất thân tình*.
g) *Em rất thích thành phố của em*.

7. Khớp từ với tranh

- 1 – c ; 2 – h ; 3 – l ; 4 – a ; 5 – k ; 6 – b ; 7 – e ;
8 – d ; 9 – g ; 10 – i

8. Đọc lại tên những thứ Trâm và Liên được giao đi mua (ở bài tập 7), đóng vai Liên viết đoạn hội thoại hỏi Trâm đã mua được những gì.

Ví dụ :

Liên : – Bạn / Cậu đã mua thịt lợn chưa ?

Trâm : – Mình / Tôi mua thịt lợn rồi / Mua rồi.

Liên : – Bạn đã mua trứng chưa ?

Trâm : – Chưa. Mình chưa mua trứng.

Liên : – Bạn đã mua bánh chưng chưa ?

Trâm : – Mình chưa mua bánh chưng.

Liên : – Thế còn bánh ga tô ? Bạn đã mua chưa ?

Trâm : – Mình đã mua bánh ga tô rồi.

9. Dựa vào những ghi chép trong sổ tay của Chi, viết lại những gì bạn Chi đã làm và chưa làm được trong ngày nghỉ cuối tuần (dùng các từ **đã... rồi ; chưa...**).

a) Chi chưa đưa em gái đi chơi vườn thú.

b) Chi đã đi thăm bà ngoại.

c) Chi chưa mua quà sinh nhật cho em gái.

d) Chi đã mua bánh mì cho mẹ.

e) Chi đã gửi e-mail cho cô Lê ở Hà Nội.

g) Chi chưa làm bài tập Tiếng Việt.

10. Viết một thư thiệp cho bạn, kể về chuyến đi chơi của em dựa vào gợi ý

Đáp án mở.

BÀI 8. TRANG PHỤC - ĂN UỐNG

1. Học sinh tô các màu (xanh, đỏ, tím, vàng, đen, nâu) theo hướng dẫn.

2. Học sinh tô màu các mặt hàng theo ý thích. Điền những thông tin còn thiếu vào nhãn hàng hoá

b) Tên : quần dài. Màu : ...

c) Tên : váy ngắn. Màu : ...

d) Tên : áo phong cộc tay, không cổ. Màu : ...

e) Tên : quần soóc. Màu : ...

g) Tên : váy dài hoa. Màu : ...

3. Nhìn các mặt hàng trên, so sánh kích cỡ và giá tiền ; sử dụng các tính từ **đắt, rẻ, to, bé**.

a) Chiếc áo sơ mi dài tay **đắt hơn / cỡ to hơn** chiếc áo phong.

b) Chiếc áo phong **cỡ nhỏ hơn / rẻ hơn** chiếc sơ mi dài tay.

c) Chiếc áo phong **đắt hơn** chiếc quần soóc.

d) Chiếc quần soóc **cỡ to bằng / rẻ hơn** chiếc quần dài.

e) Chiếc quần dài **rẻ hơn** chiếc váy dài.

g) Chiếc váy ngắn **rẻ hơn / cỡ nhỏ hơn** chiếc váy dài.

4. Hoàn thành các hội thoại theo mẫu
Đáp án mở.

5. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong bài hội thoại

(1) gì ; (2) mua ; (3) đôi ; (4) đi ; (5) thích / đi

6. Viết một đoạn văn về sở thích ăn mặc của em

Ví dụ :

Em hay mặc áo phong.

Em thường mặc áo số 35.

Em thích quần áo màu xanh.

Em hay mua quần áo ở siêu thị.

Em thích đi giày thể thao.

Em đi giày số 37.

7. Viết tên các món ăn bắt đầu bằng những chữ cho sẵn

– Các món ăn sáng : phở, xôi, bún, cháo, bánh mì, sữa.

– Các món trong bữa cơm chính : rau, cá, canh, thịt, tôm, canh / cá, nước mắm.

8. Sử dụng các từ cho sẵn, hoàn thành câu

- a) Hà thích ăn xôi vào bữa sáng.
- b) Mẹ của Lan hay mua bánh mì ở siêu thị.
- c) Mai thường ăn sáng với gia đình ở nhà.
- d) Lan không thích ăn cá.
- e) Ở Việt Nam nhiều người hay ăn bún vào bữa trưa.
- g) John rất thích ăn phở Việt Nam.
- h) Bà em thích ăn cơm với canh.

9. Viết một đoạn văn kể về sinh hoạt ăn uống của em, dựa vào các gợi ý

Ví dụ :

- a) Em hay ăn bánh mì vào bữa sáng, ở nhà.
- b) Em thường ăn sáng cùng bố mẹ.
- c) Em ăn trưa ở trường.
- d) Em thường ăn cơm, rau, cá, thịt, tôm vào bữa trưa.
- e) Bữa tối, cả gia đình em cùng ăn cơm.
- g) Bữa cơm hằng ngày trong gia đình em thường có những món cá, thịt, rau.
- h) Em thích ăn thịt, cá, rau. Em không thích ăn tôm.

10. Đọc bức thư của Chích Bông gửi cho ba mẹ. Khớp các câu kể với hình ảnh.

a – 3 ; b – 8 ; c – 1 ; d – 6 ; e – 2 ; g – 7 ; h – 4 ; i – 5

11. Dựa vào tranh, kể lại câu chuyện của Chích Bông

Ví dụ :

Chích Bông viết thư cho ba mẹ. Chích viết : Chích đã được đi thăm nhiều nơi, đã gặp nhiều bạn mới. Chích đã thấy bác Voi và thím Hươu Cao Cổ. Chích đã được ăn nhiều món ăn ngon rất khác ở nhà. Chích đã hát múa cùng gia đình Công. Chích đã được các bạn tặng một cái áo hoa rất đẹp. Chích rất thích chiếc áo hoa đó. Chích đang có những ngày hè rất vui ở xứ sở Thần Tiên.

BÀI 9. SỨC KHOẺ

1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước từ thích hợp để miêu tả cảnh trong tranh

- a) Thời tiết hôm nay **nóng**.
- b) Mẹ muốn con ăn nhiều nhưng con **no** rồi.
- c) Hôm nay Huy học **chăm chỉ** vì ngày mai có bài kiểm tra.
- d) Ông Tùng **khỏe** vì đi bộ nhiều.
- e) Tôi rất thích các món ăn **ngon**.
- g) Quyển từ điển này rất **đắt**.

2. Dùng các từ **rất, lắm, quá và các từ phù hợp trong bài tập 1 để hoàn thành câu**

- b) no quá ! / no lắm !
- c) rất chăm chỉ.
- d) khỏe quá !
- e) rất ngon.
- g) đắt quá !

3. Điền các từ chỉ bộ phận cơ thể vào tranh
Học sinh mở SGK, kiểm tra đáp án.

4. Tìm từ chỉ bộ phận cơ thể thích hợp để hoàn thành câu

- a) *Mắt* để nhìn.
- b) *Mũi* để ngửi.
- c) *Tai* để nghe.
- d) *Mồm* để ăn và nói.
- e) *Chân* để đi.
- g) *Tay* để cầm.

5. So sánh và viết câu theo mẫu

- b) Chị Tuyết cao nhất. Em Thương thấp nhất.
- c) Mùa đông nhiệt độ thấp nhất. Mùa hè nhiệt độ cao nhất.
- d) Phòng khách rộng nhất. Phòng bếp chật nhất / hẹp nhất.
- e) Bác sĩ Xuân già nhất. Y tá Liên trẻ nhất.
- g) Từ điển Anh – Việt dày nhất. Từ điển Hàn – Việt mỏng nhất.

- 6.** Điền các từ đã cho vào chỗ trống
(1) rất ; (2) bác sĩ ; (3) chậm ; (4) cửa ; (5) đầu ;
(6) khám ; (7) nhiều ; (8) mua ; (9) không phải

- 7.** Dựa vào bài tập 6, trả lời câu hỏi

- a) Vì ông ấy bị ốm.
- b) Nhà bác sĩ ở tầng 5.
- c) Ông ấy bị đau đầu và đau họng.
- d) Ông ấy đã gặp người bán giày.

- 8.** Trong các câu đã cho, câu nào đúng, câu nào sai ? Chữa lại các câu sai cho đúng.

- a) Đúng.
- b) Sai. Sửa là : Hôm qua hai chị em tôi đã đi xem phim.
- c) Đúng.
- d) Đúng.
- e) Sai. Sửa là : Tháng trước ông Hưng đã đi Cam-pu-chia.

- 9.** Sắp xếp lại thứ tự các câu đã cho

- 8) – Anh bị viêm họng. Tôi cho anh thuốc, anh uống trong 5 ngày. Uống nhiều nước hoa quả nhé.
- 3) – Tôi mệt lắm, đau đầu và đau họng.
- 1) – Chào bác sĩ ạ.
- 4) – Anh có đau bụng không ?
- 9) – Cảm ơn bác sĩ.
- 6) – Bây giờ anh cặp nhiệt độ nhé. (...) 39 độ.
- 2) – Chào anh. Anh đau ở đâu ?
- 5) – Không, tôi không đau bụng.
- 7) – Thưa bác sĩ, tôi bị làm sao ?

- 10.** Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp :

a : sai ; b : đúng ; c : sai ; d : đúng ; e : đúng

- 11.** Trả lời câu hỏi

- a) Bệnh nhân cho là mình mất ngủ.
- b) Bệnh nhân đến gặp bác sĩ.

- c) Bác sĩ nói cách chữa bệnh là bệnh nhân đi làm vào ban đêm.
- d) Bệnh nhân chữa theo cách đó có khỏi bệnh.

- 12.** Đọc và trả lời câu hỏi

- a) Ngày mai là chủ nhật.
- b) Cô giáo muốn học sinh làm một việc tốt giúp bố mẹ, để bố mẹ vui lòng.
- c) Vào ngày thứ hai, cô giáo hỏi em học sinh đã làm được việc tốt gì.
- d) Em học sinh đó đã đến nhà ông bà ngoại trong ngày chủ nhật.
- e) Vì em ấy nghịch quá, làm ông bà và bố mẹ rất mệt vì em.

BÀI 10. THỂ THAO

- 1.** Xem tranh, viết lại tên của các môn thể thao

- a) đua ô tô ; b) bơi ; c) nhảy cao ; d) bóng rổ ;
- e) võ ; g) bóng bàn ; h) cầu lông ; i) chạy ;
- k) cử tạ

- 2.** Miêu tả các tranh ở bài tập 1 theo mẫu

- b) Họ đang bơi.
- c) Anh ấy đang nhảy cao.
- d) Họ đang chơi bóng rổ.
- e) Họ đang tập võ.
- g) Họ đang chơi / đánh bóng bàn.
- h) Họ đang chơi cầu lông.
- i) Họ đang chạy.
- k) Anh ấy đang cử tạ.

- 3.** Xem tranh, hoàn thành câu

- a) Lâm thích chơi bóng đá / đá bóng.
- b) Thắng thích chơi / đánh bóng bàn.
- c) Mạnh thích chơi / đánh bóng rổ.
- d) Khoa thích cử tạ.
- e) Sơn thích đi / đua xe đạp.

4. Hoàn thành câu (đáp án mở)

Ví dụ :

- a) Bây giờ em đang *học bài*.
- b) Hôm qua em đã *đi chơi ở siêu thị*.
- c) Em sắp *đi đến hiệu sách*.
- d) Em sẽ không *đến bể bơi*.
- e) Lớp em sắp *đi xem phim ở rạp chiếu phim*.

5. Điền *sắp* hoặc *sẽ* vào các câu sau cho thích hợp

- a) Ngày mai Phương *sẽ* đi du lịch Lào.
- b) ... Chúng tôi *sắp* thi học kì rồi.
- c) Trận đấu *sắp* kết thúc...
- d) Tháng sau là mùa hè, tôi *sẽ* đi bơi.
- e) Chị Hoa *sắp* thi đại học. Hai tháng nữa chị ấy *sẽ* thi vào Trường Đại học Xây dựng.

**6. Đọc bảng *Kết quả bóng đá Cúp C1 châu Âu*.
Viết câu theo mẫu.**

- a) Đội Spartak Moscow *hoà* đội Sporting Lisbon (với tỉ số) **1–1**.
- b) Đội Inter Milan *thua* đội Bayern Munich **0 – 1**.
- c) Đội Liverpool *thắng* đội Olympiakos **3 – 2**.
- d) Đội Valencia *thắng* đội Roma **2 – 1**.
- e) Đội Real Madrid *thua* đội Arsenal **2 – 3**.
- g) Đội Bordeaux *hoà* đội PSV Eindhoven **0 – 0**.

7. Điền từ vào chỗ trống

(1) của ; (2) giữa ; (3) đội ; (4) hay ; (5) là ; (6) học sinh / học sinh ; (7) thắng

8. Nối các câu với tranh cho đúng

a – 3 ; b – 1 ; c – 4 ; d – 2

9. Trả lời câu hỏi

- a) Anh bảo vệ đi vào công viên lúc 8 giờ sáng.
- b) Anh ấy nhìn thấy một bé gái đang chạy rất nhanh.
- c) Em bé ngã vì vấp phải rễ cây.

d) Một cậu bé sắp nhảy xuống hồ để bơi.

e) Anh ấy hét to : “Dừng lại ! Không bơi ở đây !”

10. Dựa theo mẫu, viết các tin thể thao

Ví dụ :

a) Sáng nay, lúc 9 giờ, tại Câu lạc bộ thể thao Hoàn Kiếm đã diễn ra trận bóng bàn giữa đội Hoàn Kiếm và đội Đồng Đa. Kết thúc trận đấu, đội Đồng Đa thắng 21 – 15.

b) Chiều qua, lúc 5 giờ, trên sân vận động Nha Trang đã diễn ra trận đấu bóng chuyền giữa đội nữ Khánh Hoà và đội nữ Đồng Nai. Kết thúc trận đấu, đội nữ Đồng Nai thắng 5 – 3.

BÀI 11. LỄ HỘI

1. Điền những từ ngữ đã cho vào chỗ trống

- a) (1) Tết ; (2) chùa Hương
- b) chúc Tết
- c) (1) mừng tuổi ; (2) mạnh khoẻ
- d) (1) sống lâu ; (2) mạnh khoẻ.

2. Đặt câu hỏi với *được không*

- a) Cậu ăn thử miếng giò này *được không* ?
- b) Má cho con đi siêu thị với má *được không* ạ ?
- c) Lan ơi, con viết cho má mấy cái bưu thiếp chúc Tết *được không* ?
- d) Má ơi, con đi chúc Tết *được không* ạ ?
- e) Ba ơi, cuối tuần này con đi câu cá với chú Hùng *được không* ạ ?

3. Trả lời các câu hỏi em vừa đặt ở bài tập 2 theo gợi ý : *đồng ý (+), không đồng ý (–)*.

- a) – Cậu ăn thử miếng giò này *được không* ?
– (+) *Ừ* . / *Được* .
- b) – Má cho con đi siêu thị với má *được không* ạ ?
– (+) *Được*

- c) – Lan ơi, con viết cho má mấy cái bưu thiếp chúc Tết *được không* ?
 – **(+) Vâng. / Vâng ạ. / Được ạ.**
- d) – Má ơi, con đi chúc Tết *được không* ạ ?
 – **(-) Không. / Không được.**
- e) – Ba ơi, cuối tuần này con đi câu cá với chú Hùng *được không* ạ ?
 – **(-) Không. / Không được.**

4. Giải thích các cụm từ theo mẫu

- a) một anh + một em
 b) một chú + hai cháu
 c) một bố + hai con
 d) một ông + ba cháu
 e) một thầy + bốn trò

5. Thêm các từ *ra, vào, lên, xuống* để hoàn thiện câu

- a) lên ; b) ra ; c) vào ; d) xuống ; e) lên ; g) vào ;
 h) xuống

6. Chọn từ thích hợp, hoàn thành câu

- a) Trên núi, dưới biển
 b) trong nhà, ngoài đường
 c) trước
 d) sau
 e) dưới

7. Chọn từ trong ngoặc đơn thích hợp với chỗ trống

- a) xuống
 b) vào ; ra
 c) Lên ; xuống
 d) ra ; lên

8. Sắp xếp lại các từ ngữ để tạo thành các câu đúng

- a) Mai cậu không bận chứ ? Đi xem Paris by night với tớ *được không* ?
 b) Tớ không bận. Nhưng tớ không có vé.

- c) Ba má tớ và chị tớ mai cùng đi. Ba tớ đã mua vé hai tuần trước rồi.
 d) Bây giờ thì hết vé rồi.
 e) Vậy tại sao lại có vé cho tớ ?
 g) Ba tớ định mời chú tớ cùng đi.
 h) Nhưng chú tớ không đi được
 i) Chú ấy phải trở về Boston hôm qua rồi
 k) Ngày Tết đi xem Paris by night thì tuyệt. Tớ thật may mắn.

9. Hoàn thành các đối thoại sau

- a) – Cậu đi đâu đấy ?
 b) – **(+) Được. / Được chứ. / Được. Cậu cầm lấy.**
 c) ... *được không*
 d) **(-) Rất tiếc,...**

10. Hỏi đáp về việc chuẩn bị Tết

- a) – Bạn đã gửi thiệp chúc Tết chưa ? – Rồi. Mình gửi thiệp chúc Tết rồi. / Mình gửi rồi.
 b) – Bạn đã dọn phòng khách chưa ? – Chưa. Mình chưa dọn.
 – Hôm nào bạn sẽ dọn ? – Ngày 29 Tết mình sẽ dọn.
 c) – Bạn đã đưa mẹ đi chợ chưa ? – Rồi. Mình đã đưa mẹ đi chợ rồi. / Mình đưa rồi.
 d) – Bạn đã mua bánh chưng chưa ? – Chưa. Mình chưa mua.
 – Hôm nào bạn sẽ mua ? – Ngày 27 Tết mình sẽ mua.
 e) – Bạn đã mua hoa cắm lọ chưa ? – Chưa. Mình chưa mua.
 – Hôm nào bạn sẽ mua ? – Ngày 30 Tết mình sẽ mua.

11. Viết thư cho bạn ở Việt Nam kể về lễ Giáng sinh nơi em ở.

Đáp án mở.

BÀI 12. NGHỆ THUẬT

1. Nhìn tranh, viết tên những loại tranh

- b) tranh lụa
- c) tranh sơn mài
- d) tranh dân gian / tranh Đông Hồ / tranh dân gian Đông Hồ

2. Hoàn thành đối thoại

- (1) Mình đi ; (2) Mình muốn mua ; (3) rồi ; (4) của ; (5) đắt / rẻ ; (6) rẻ

3. Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp xác định câu đúng hay sai

- Các câu đúng : a, b, d
- Các câu sai : c, e

4. Sửa lại những câu sai

Sửa câu c : Con ngựa này rất khỏe.

Sửa câu e : Chữ bạn ấy đẹp lắm !

5. Chuyển các câu đã cho thành câu hỏi với **phải không, có phải không**

- a) Chị cậu ấy là ca sĩ **phải không** ?
Chị cậu ấy là ca sĩ **có phải không** ?
Có phải chị cậu ấy là ca sĩ **không** ?
- b) Cậu là con thứ hai trong gia đình **phải không** ?
Cậu là con thứ hai trong gia đình **có phải không** ?
Có phải cậu là con thứ hai trong gia đình **không** ?
- c) Em cậu ít hơn cậu ba tuổi **phải không** ?
Em cậu ít hơn cậu ba tuổi **có phải không** ?
Có phải em cậu ít hơn cậu ba tuổi **không** ?
- d) Cậu thích bóng bàn lắm **phải không** ?
Cậu thích bóng bàn lắm **có phải không** ?
Có phải cậu thích bóng bàn lắm **không** ?

6. Hoàn thành các đối thoại sau với **phải không, có phải không** :

- a) – Thầy là thầy giáo dạy tiếng Việt **phải không** ạ ?
– Thầy là thầy giáo dạy tiếng Việt **có phải không** ạ ?
– **Có phải** thầy dạy tiếng Việt **không** ạ ? /
- b) – Chúng em sẽ học quyển “Tiếng Việt Vui” **phải không** ạ ?
– Chúng em sẽ học quyển “Tiếng Việt Vui” **có phải không** ạ ?
– **Có phải** chúng em sẽ học quyển “Tiếng Việt Vui” **không** ạ ?
- c) – Chúng em sẽ học một tuần ba buổi **phải không** ạ ?
– Chúng em sẽ học một tuần ba buổi **có phải không** ạ ?
– **Có phải** chúng em sẽ học một tuần ba buổi **không** ạ ?
- d) – Các em rất thích học tiếng Việt **phải không** ?
– Các em rất thích học tiếng Việt **có phải không** ?
– **Có phải** các em rất thích học tiếng Việt **không** ?

7. Thêm các từ **ra, vào, lên, xuống** vào chỗ trống, hoàn thành câu

- a) lên ; b) vào ; c) xuống ; d) ra

8. Điền các từ **tắm, bức** vào chỗ trống

- (1) bức ; (2) bức ; (3) Tắm ; (4) Tắm ; (5) bức

9. Sửa lỗi chính tả

- a) trương trình → **chương** trình
- b) xang → **sang**
- c) thời dan → thời **gian** ; sem → **xem**
- d) treo chanh → treo **tranh**
- e) dúp → **giúp** ; trợn chanh → **chọn tranh**

10. Đặt câu để khen

- a) Cái áo của bạn rất đẹp.
- b) Bộ phim này hay quá !
- c) Nhà bạn sạch sẽ thật !
- d) Thời tiết hôm nay dễ chịu quá !

11. Kể về một họa sĩ, nhà văn hoặc nghệ sĩ em thích.

Ví dụ :

Nghệ sĩ ấy tên là Charlie Chaplin. Ông là người Anh. Ông là diễn viên rất nổi tiếng. Ông diễn kịch rất vui. Phim của ông cũng rất vui. Bố mẹ Charlie Chaplin cũng là nghệ sĩ. Charlie Chaplin làm diễn viên từ 5 tuổi. Em rất thích Charlie Chaplin.

MỤC LỤC

	Bài	Trang
1.	GIA ĐÌNH	4
2.	LÀM QUEN	8
3.	THỜI GIAN – THỜI TIẾT	12
4.	TRƯỜNG HỌC	18
5.	CỘNG ĐỒNG	22
6.	GIAO THÔNG	28
7.	MUA SẮM	34
8.	TRANG PHỤC – ĂN UỐNG	40
9.	SỨC KHOẺ	46
10.	THỂ THAO	52
11.	LỄ HỘI	58
12.	NGHỆ THUẬT	64
	ĐÁP ÁN	69